

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN TRẢNG BOM

Trảng Bom, tháng 11 năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN TRẢNG BOM

Ngày ... tháng ... năm 2023

CƠ QUAN TƯ VẤN
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
GIÁM ĐỐC

Ngày ... tháng ... năm 2023

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC

Ngày ... tháng ... năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM
CHỦ TỊCH

MỤC LỤC

I. SỰ CẦN THIẾT	1
II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.....	2
2.1. Mục đích.....	2
2.2. Yêu cầu.....	2
III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN.....	3
3.1. Căn cứ pháp lý.....	3
3.2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện	3
IV. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	4
4.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên	4
4.2. Các nguồn tài nguyên.....	5
4.3. Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.....	7
V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN TRẢNG BOM.....	11
5.1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Trảng Bom.....	11
5.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	23
5.3. Đánh giá nguyên nhân những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	24
VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	25
6.1. Phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024	25
6.2. Các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024.....	27
6.3. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	33
6.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm 2024	44
6.5. Diện tích đất phải thu hồi đất trong năm 2024.....	46
VII. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....	47
VIII. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	48
8.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	48
8.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	48
8.3. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất.....	49
8.4. Các giải pháp khác	49
8.5. Tổ chức thực hiện.....	50
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	51
I. KẾT LUẬN.....	51
II. KIẾN NGHỊ.....	52

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	14
Bảng 2. Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm 2024	32
Bảng 3. Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	33
Bảng 4. Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 so sánh với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt	42
Bảng 5. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất hiện trạng trong năm 2024.....	44
Bảng 6. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất hồ sơ địa chính trong năm 2024..	45
Bảng 7. Diện tích cần thu hồi đất năm 2024	46

MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT

Tại khoản 2 Điều 37 và khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “*Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm*” và căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là “*Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt*”.

Căn cứ vào nhu cầu thực tế triển khai thực hiện các dự án, công trình phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện. Vì vậy, cần thiết phải lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Trảng Bom để phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai cũng như trên địa bàn huyện thực hiện theo đúng quy định.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/04/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai, UBND huyện Trảng Bom đã tiến hành xây dựng Đề cương nhiệm vụ lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Trảng Bom.

Nhận rõ tầm quan trọng của công tác lập kế hoạch sử dụng đất đối với việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách đồng bộ, thống nhất, hài hòa giữa các lĩnh vực, UBND huyện Trảng Bom đã triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện. Trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 đã được Hội đồng nhân dân huyện Trảng Bom thông qua, các kết quả về phát triển kinh tế, xã hội năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ đặt ra trong năm 2024, UBND huyện đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất đối với các dự án xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội,...

Bên cạnh đó, huyện cũng đã có thông báo và hướng dẫn các phòng ban, UBND cấp xã tuyên truyền rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân được biết về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện. Từ đó nắm bắt được nhu cầu sử dụng đất trong năm để có phương hướng và đưa ra những giải pháp sử dụng đất hiệu quả hơn, giúp ổn định đời sống của người dân và góp phần sử dụng đất theo hướng phát triển bền vững.

Từ các lý do trên cho thấy việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Trảng Bom là cần thiết và phù hợp với quy định của Pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

2.1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và xác định các nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Đánh giá kết quả thực hiện các dự án phải thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 và năm 2021; trong đó làm rõ các dự án chưa thực hiện hoặc đang thực hiện và chưa hoàn thành các thủ tục đất đai và đề xuất xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013;

- Xác định nhu cầu sử dụng đất trong năm 2024, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013; diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật đất đai năm 2013.

2.2. Yêu cầu

- Việc Lập kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp Luật đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

3.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Trưởng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3.2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trảng Bom đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5369/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021;
- Danh mục các dự án cần thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng hàng năm trên địa bàn huyện Trảng Bom được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;
- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Trảng Bom được UBND tỉnh phê duyệt và kết quả thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất qua các năm.
- Thống kê đất đai năm 2022 huyện Trảng Bom có cập nhật các công trình, dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai trong năm 2023.
- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2023; các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;
- Nhu cầu sử dụng đất theo đơn đề nghị của cá nhân, tổ chức sử dụng đất.

IV. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

4.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

4.1.1. Vị trí địa lý

Theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, huyện Trảng Bom có tổng diện tích tự nhiên là 32.724 ha, chiếm 5,58% diện tích tự nhiên của tỉnh, với 17 đơn vị hành chính gồm: 16 xã và 01 thị trấn. Có ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Vĩnh Cửu;
- Phía Đông giáp huyện Thống Nhất;
- Phía Nam giáp huyện Long Thành;
- Phía Tây giáp thành phố Biên Hòa.

Vị trí của huyện Trảng Bom có những lợi thế quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đặc biệt là nơi hội tụ của các đầu mối giao thông Quốc gia như: Quốc lộ 1A, Quốc lộ 20, đường sắt Bắc Nam, đường cao tốc TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây nối huyện với các trung tâm kinh tế lớn trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, khu vực Nam Tây Nguyên, Duyên Hải Nam Trung Bộ nên khá thuận lợi để thu hút đầu tư bên ngoài hình thành các khu và cụm công nghiệp, giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội.

4.1.2. Địa hình

Huyện Trảng Bom có độ cao trung bình so với mặt nước biển: 35 - 38m, nằm trong vùng địa hình đồi núi thấp xen kẽ với các trảng bằng, thoải và lượn sóng, có hướng dốc chính nghiêng dần từ Bắc xuống Nam; diện tích đất có độ dốc từ 0 - 80 chiếm 61,24%, diện tích đất có độ dốc từ 8-150 chiếm 24,88% và diện tích đất có độ dốc trên 150 chiếm 10,1%.

Các khu vực đất bằng (0-80) chủ yếu được sử dụng cho trồng cao su, lúa và rau màu; khu vực đất sườn thoải (8-150) chủ yếu sử dụng trồng cây ăn quả và khu vực đất dốc (>150), bao gồm các núi: Sóc Lu, Võ Đông và Bình Lộc phần lớn diện tích sử dụng cho khai thác vật liệu xây dựng, trồng chuối, điều và các cây lâu năm khác.

Trên 90% diện tích tự nhiên có địa chất công trình tốt, cường độ chịu nén trên 2kg/cm². Một số khu vực bên dưới tầng đất mặt có tầng đá dày hiện đang khai thác đá xây dựng, phân bố ở các xã: Hưng Thịnh, Sông Thao, Cây Gáo.

4.1.3. Khí hậu

Huyện Trảng Bom nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt cao đều quanh năm, ít gió bão, không có mùa đông lạnh, không có những biến động lớn về khí hậu, rất thuận lợi cho việc bố trí sử dụng đất.

- Nhiệt độ: có nền nhiệt độ cao đều quanh năm và khá ổn định, số giờ nắng trung bình khoảng 2.600 - 2.700 giờ/năm, nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 25 - 26°C, tháng có nhiệt độ trung bình thấp nhất là 21°C, tháng có nhiệt độ cao nhất từ 34 - 35°C. Biên độ nhiệt trong mùa mưa 5,5 - 8°C; trong mùa khô đạt 5 - 12°C.

- Lượng mưa: trung bình khoảng 1.800 - 2.000 mm/năm. Lượng mưa phân bố không đều tạo nên hai mùa là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm trên 90% lượng mưa hàng năm, trong đó các tháng 8, 9, 10 có lượng mưa cao nhất; có tháng lượng mưa lên đến 500 mm. Các tháng mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với khoảng 10% lượng mưa trong năm. Có một số tháng hầu như không có mưa như tháng 1 và tháng 2.

- Độ ẩm không khí trung bình năm từ 78 - 82%. Các tháng mùa mưa có độ ẩm tương đối cao 85 - 93%. Các tháng mùa khô có độ ẩm tương đối thấp 72 - 82%. Độ ẩm cao nhất 95%, thấp nhất 50%.

- Chế độ gió: Hướng gió chủ yếu là hướng Đông Nam và Tây Nam. Đi kèm theo hai mùa khô và mưa. Gió thịnh hành trong mùa khô là gió Đông Nam có tần suất 30 - 40%. Gió thịnh hành trong mùa mưa là gió Tây Nam tần suất 66%, tốc độ gió trung bình là 10 - 15m/s mạnh nhất 22,6m/s. Khu vực ít chịu ảnh hưởng của bão, nhưng thường xảy ra các hiện tượng giông giạt và lũ quét.

Nhìn chung, với đặc điểm khí hậu này tạo nhiều thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt. Trong đó, có thể phát triển nền nông nghiệp đa dạng với nhiều loại cây trồng, vật nuôi có năng suất và chất lượng.

4.2. Các nguồn tài nguyên

4.2.1. Tài nguyên đất

Quỹ đất của huyện khá phong phú, toàn huyện có 06 nhóm đất chính, 14 đơn vị đất cấp 2 và 33 đơn vị đất cấp 3. Các nhóm đất trên địa bàn huyện là: nhóm đất gley (Gleysols) diện tích 648 ha, chiếm 1,33% diện tích tự nhiên; nhóm đất tầng mỏng (Leptosols) diện tích 232 ha, chiếm 0,47% diện tích tự nhiên; nhóm đất xám (Acrisols) diện tích 11.594 ha, chiếm 23,73% diện tích tự nhiên; nhóm đất đỏ (Ferrasols) diện tích 10.570 ha, chiếm 21,63% diện tích tự nhiên; nhóm đất đá bọt có diện tích nhỏ nhất 54 ha, chiếm 0,11% diện tích tự nhiên và nhóm đất đen (Luvisols) diện tích 25.762 ha, chiếm 52,73% diện tích tự nhiên. Còn lại là đất trơ sỏi đá và sông suối, mặt nước.

4.2.2. Tài nguyên nước

- Nước mặt: nguồn nước mặt của huyện được dự trữ trong các hồ chứa như: hồ Sông Mây, hồ Suối Đầm, hồ Trị An, hồ 3/2, hồ Thanh Niên nhưng việc sử dụng nguồn nước này vào sản xuất và sinh hoạt còn hạn chế. Ngoài ra, nguồn nước mưa có chất lượng khá tốt, song lượng mưa phân bố không đều trong năm. Mạng lưới sông suối trên địa bàn ngắn và dốc, ít nước trong mùa khô.

- Nước dưới đất: có trữ lượng khá, chất lượng nước tốt, đây là nguồn nước chính phục vụ sinh hoạt và sản xuất tại địa phương. Tuy nhiên, nguồn nước này đang có xu hướng giảm mạnh trong thời gian gần đây, do đó cần có giải pháp hợp lý trong việc khai thác, sử dụng nguồn nước này.

Nhìn chung, trong bối cảnh tài nguyên nước ngọt có xu hướng ngày càng khan hiếm thì nguồn tài nguyên nước trên địa bàn là khá dồi dào, có chất lượng nước tương đối tốt ít bị ô nhiễm vì thế có giá trị rất lớn nếu được khai thác và sử dụng hợp lý sẽ đáp ứng tốt cho yêu cầu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

4.2.3. Tài nguyên rừng

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2022, diện tích đất rừng của huyện là 316,41 ha, trong đó đất rừng sản xuất 300,79 ha, đất rừng phòng hộ 6,18 ha và đất rừng đặc dụng 9,45 ha.

Như vậy diện tích rừng của huyện không nhiều và chủ yếu là rừng sản xuất được trồng quanh hồ Sông Mây và rừng tràm thuộc Xí nghiệp nguyên liệu giấy Đông Nam Bộ. Ngoài ra là các loại cây lấy gỗ của các hộ dân trồng nhằm đem lại mục đích kinh tế. Diện tích rừng của huyện không nhiều nhưng lại có vai trò rất quan trọng trong việc cân bằng môi trường sinh thái.

4.2.4. Tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản của huyện không nhiều chủng loại, chủ yếu là đá và đất làm nguyên vật liệu xây dựng. Hiện nay các mỏ đá đang được khai thác làm vật liệu xây dựng, như: mỏ đá bazan, mỏ đá Sông Trầu,... Ngoài ra còn có một số loại khoáng sản khác như: than bùn, cát, sỏi, sét có thể khai thác làm nguyên liệu chế biến phân bón, gạch ngói... Đặc biệt, trên địa bàn huyện còn có Puzlan dùng làm nguyên liệu phụ gia xi măng phân bố ở khu vực phía Đông Nam xã Cây Gáo. Tuy nhiên, việc khai thác các nguồn tài nguyên khoáng sản này cần được tính toán cân nhắc và lập quy hoạch kế hoạch khai thác cụ thể, hợp lý để vừa đảm bảo phát triển kinh tế hiện tại nhưng cũng dự trữ cho sự phát triển tương lai.

4.2.5. Tài nguyên du lịch

Với các tài nguyên du lịch như: thác Giang Điền, thác Đá Hàn, căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa, cảnh quan hồ, hệ thống chùa, nhà thờ,... Huyện Trảng Bom có tiềm năng lớn để phát triển du lịch động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội trên địa bàn phát triển, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, tham quan di tích văn hóa - lịch sử, giải trí, nghỉ dưỡng và các loại hình du lịch - dịch vụ cao cấp,... trong mối quan hệ tổng thể phát triển du lịch của tỉnh Đồng Nai và vùng Đông Nam Bộ.

4.2.6. Tài nguyên nhân văn

Nhân dân huyện Trảng Bom có truyền thống yêu nước, cần cù, yêu lao động, luôn phấn đấu xây dựng và phát triển địa phương phù hợp với nhịp điệu chung của xã hội; trong suốt quá trình xây dựng và phát triển những đặc tính đó luôn được phát huy và ghi nhận trong đời sống xã hội bằng những công trình mang đậm nét văn hóa như miếu, đình, đền... Các di tích lịch sử được nhà nước công nhận như khu di tích Tỉnh Ủy Biên Hòa... và các tập tục, lễ hội phi vật thể trong các công đồng dân cư.

4.3. Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

Theo Báo cáo số 994/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Trảng Bom về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2023; các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2024 của huyện Trảng Bom.

4.3.1. Lĩnh vực kinh tế

- Sản xuất công nghiệp - xây dựng: Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp - xây dựng ước đạt 154.058,01 tỷ đồng, tăng 7,7% so cùng kỳ (giá so sánh 2010); giá trị ngành công nghiệp ước đạt 148.863,9 tỷ đồng (đạt 97% so kế hoạch), tăng 7,8% so cùng kỳ, trong đó công nghiệp có vốn nước ngoài 134.907,8 tỷ đồng đạt 97,03% so kế hoạch tăng 7,9% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 90,62% trong tổng số giá trị sản xuất công nghiệp; công nghiệp địa phương 13.956,1 tỷ đồng đạt 96,81% so kế hoạch, tăng 6,5% so cùng kỳ chiếm tỷ trọng 9,38% trong tổng số giá trị sản xuất công nghiệp. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng đạt 75,1 tỷ đồng tăng 6,6% so cùng kỳ; Giá trị sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 148.647,8 tỷ đồng, tăng 7,8% so cùng kỳ; Giá trị sản xuất ngành phân phối điện nước đạt 55,2 tỷ đồng, tăng 3,9%; cung cấp nước và xử lý rác thải đạt 85,8 tỷ đồng tăng 6,1% so cùng kỳ.

Dự ước năm 2023 các ngành sản xuất tăng nhưng hầu hết tăng thấp như: Sản xuất da và các sản phẩm liên quan, sản phẩm kim loại, sản xuất máy móc

thiết bị, sản xuất trang phục... đây là những ngành chủ lực nên ảnh hưởng không nhỏ đến giá trị sản xuất toàn ngành. Một số ngành có giá trị giảm so cùng kỳ như sản xuất giường, tủ, bàn, ghế... nguyên nhân giảm do ảnh hưởng nguyên liệu đầu vào tăng cao, sản phẩm tiêu thụ khó khăn do đơn hàng sản xuất giảm mạnh, đặc biệt ngành sản xuất giường tủ, bàn ghế nhiều doanh nghiệp từ đầu năm đến nay đơn hàng rất ít, chưa có đơn hàng mới nên giá trị sản xuất giảm mạnh so cùng kỳ. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu có sản lượng tăng khá như: Sản xuất giày da 8,2%; giấy các loại 7,6%, lốp xe các loại 7,7%; vải sợi 7,2%; thép các loại 6,3%; may mặc 5,1%..., tuy nhiên một số ngành tăng thấp như: Gạch các loại 3,8%; thức ăn gia súc tăng 1,9%; một số ngành giảm mạnh như sản xuất mộc dân dụng bằng 97% so cùng kỳ.

- Thương mại - Dịch vụ: Giá trị ngành thương mại - dịch vụ ước đạt 27.638,36 tỷ đồng, tăng 11% so cùng kỳ (giá so sánh 2010). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 43.498,76 tỷ đồng, tăng 13,38% so cùng kỳ, trong đó kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 43.398,02 tỷ đồng, tăng 13,32%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 100,74 tỷ đồng, tăng 7,1% so với cùng kỳ; phân theo các ngành hoạt động như sau:

- Hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 35.466,36 tỷ đồng, tăng 12,09% so cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng là do nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao, các cửa hàng tiện ích, siêu thị bán lẻ, chợ truyền thống có nhiều chương trình khuyến mãi nhằm kích cầu.

- Hoạt động khách sạn nhà hàng đạt 5.569,71 tỷ đồng, tăng 21,92% so cùng kỳ; trong đó: Ngành ăn uống đạt 5.419,61 tỷ đồng, tăng 22,34% so cùng kỳ; ngành lưu trú đạt doanh số 150,1 tỷ đồng, tăng 8,59% so cùng kỳ.

- Hoạt động dịch vụ khác: Bước sang năm 2023 ngành du lịch được khôi phục và phát triển, các hoạt động du lịch vui chơi, giải trí tăng trong hè; tuy nhiên ngành kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ hành chính giảm so cùng kỳ. Du lịch ước năm 2023 có 282.000 lượt du khách đến tham quan, vui chơi giải trí tại Khu du lịch Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa U1, Công viên Văn hóa Hùng Vương, sân Golf và các điểm vui chơi khác trên địa bàn huyện.

- Sản xuất nông, lâm, thủy sản: Tổng giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Thủy sản ước đạt 4.848,9 tỷ đồng, tăng 4,32% so cùng kỳ (giá so sánh 2010), cụ thể:

Ngành Nông nghiệp giá trị sản xuất ước đạt 4.590,4 tỷ đồng, tăng 4,58% so cùng kỳ. Trong đó chăn nuôi tăng 0,96%, tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm 67,08% giá trị sản xuất ngành Nông nghiệp; Trồng trọt tăng 13,78%; Dịch vụ nông nghiệp tăng 0,38%.

Ngành Lâm nghiệp giá trị sản xuất ước đạt 26,22 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010), tăng 0,39% so cùng kỳ. Huyện đã tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng, chống, cháy rừng mùa khô năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Công tác bảo vệ rừng và PCCCR mùa khô 2023 trên địa bàn huyện, được tập trung chú trọng triển khai thực hiện, đến nay không để tình trạng cháy rừng xảy ra; Chú trọng quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; kiểm soát chặt chẽ hoạt động nhập, xuất động vật hoang dã trên địa bàn có nguy cơ gây bệnh ngăn chặn kịp thời. Bên cạnh đó, Huyện đã Tổ chức Lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” năm 2023 gắn với việc thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 của Chính phủ; Đã hỗ trợ các ngành, các xã, thị trấn trong chỉ tiêu trồng 16.300 cây xanh, trong đó: Sao đen 3.000 cây, Dầu rái 5.000 cây, Bằng lăng 3.450 cây, Xà cừ 800 cây, Gõ đỏ 2.850 cây, Sưa 1.200 cây.

Ngành Thủy sản giá trị sản xuất ước đạt 232,25 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010) bằng 99,94% so cùng kỳ. Sản lượng thủy sản ước đạt 8.517 tấn, bằng 99,96% so cùng kỳ; nhìn chung tình hình nuôi trồng thủy sản trên địa bàn phát triển khá ổn định và chú trọng trong hướng chuyển đổi theo hướng nuôi trồng những loại thủy sản có năng suất cao và có giá trị về kinh tế, người nuôi đã chú trọng đầu tư thâm canh, tăng năng suất, các cơ sở sản xuất kinh doanh giống thủy sản được các cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra thực hiện đúng các qui định về sản xuất kinh doanh.

Công tác khuyến nông - Bảo vệ thực vật: Tình hình dịch bệnh trên cây trồng được kiểm soát tốt, thường xuyên tổ chức kiểm tra tình hình phát sinh, phát triển của sâu bệnh hại cây trồng để có biện pháp hướng dẫn nông dân phòng trừ kịp thời. Đã tập huấn 03 mô hình trình diễn (01 mô hình Sầu riêng tại xã Hưng Thịnh; 02 mô hình chuối tại xã Thanh Bình); phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức 25 lớp tập huấn và thông qua các buổi họp, hội nghị về quy trình canh tác theo VietGAP, hướng hữu cơ và hữu cơ trên cây trồng, quy trình thực hiện hồ sơ đăng ký mã số vùng trồng, mã số đóng gói khoảng 2.780 lượt người tham gia.

Công tác thủy lợi - Phòng chống thiên tai: Đảm bảo nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất đầu mùa khô 2023, các công trình thủy lợi phục vụ tốt cho sản xuất vụ Đông Xuân năm 2023. Xây dựng, triển khai kế hoạch về công tác phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn năm 2023; tổ chức khảo sát các tuyến suối, xây dựng kế hoạch nạo vét các tuyến suối; sớm xử lý các điểm có nguy cơ sạt lở đất nghiêm trọng, khắc phục kịp thời các thiệt hại do mưa lớn, kịp thời đồng thời hỗ trợ các hộ dân trồng chuối tại xã Thanh Bình thiệt hại do mưa bão.

Công tác Thú y: Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra hoạt động kinh doanh giết mổ gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm; Kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản; Tiếp nhận và phân bổ 4.000 lít thuốc sát trùng triển khai tháng tiêu độc khử trùng phòng chống dịch gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện. Triển khai kế hoạch tiêm 3.200 liều vắc xin phòng bệnh dại cho chó, mèo trên địa bàn các xã Sông Trầu, Bình Minh, Cây Gáo, Sông Thao, Tây Hòa, Đồi 61 và thị trấn Trảng Bom; kết quả triển khai công tác tiêm phòng vắc xin phòng bệnh dại cho chó mèo được 7.174/8.387 con đạt tỷ lệ 85,5%; bên cạnh đó phân bổ cho các xã, thị trấn 18 tấm áp phích chống dịch bệnh, 18 tấm áp phích chống dịch bệnh dại, 36 băng rôn phòng chống dịch bệnh, 3000 tờ rơi tuyên truyền phòng chống bệnh cúm, 3.500 tờ rơi tuyên truyền phòng chống bệnh dại chó, mèo.

4.3.2. Văn hóa – xã hội

- Giáo dục và đào tạo: Năm học 2023-2024 có tổng cộng 89 trường, trong đó công lập 72 trường (22 Mầm non; 30 Tiểu học; 18 Trung học cơ sở; 02 Tiểu học - Trung học cơ sở); trường ngoài công lập 17 trường (16 Mầm non - Mẫu giáo, 01 Tiểu học - Trung học cơ sở) và 116 nhà nhóm trẻ tư thục với 81.224 học sinh/2.121 lớp; so với năm học 2022 - 2023 số trường không tăng, số học sinh tăng 591 em. Công nhận trường Mẫu giáo Hoa Lan đạt chuẩn quốc gia đạt chỉ tiêu đề ra, nâng tổng số trường đạt chuẩn lên 57/72 trường đạt tỷ lệ 79,1%. Tái công nhận chuẩn quốc gia được 06 trường (Tiểu học Nguyễn Khuyến, THCS Nguyễn Công Trứ, THCS Hùng Vương, TH Trần Quốc Toản, MG Bình Minh, MN Ánh Dương). Sở Giáo dục và Đào tạo đã kiểm tra công nhận 08 trường đạt Xanh - Sạch - Đẹp cấp tỉnh năm 2023. Hoàn thành công tác điều động, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý cho các trường, bàn giao tại các trường kịp thời. Tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi bậc Tiểu học cấp Tỉnh kết quả đạt 11/11 giáo viên, đạt tỷ lệ 100%.

- Lĩnh vực Y tế: UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch triển khai công tác Bảo đảm An toàn thực phẩm tết Nguyên đán Quý Mão và mùa Lễ hội Xuân 2023; Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm huyện Trảng Bom năm 2023; Kế hoạch công tác đảm bảo an toàn thực phẩm huyện Trảng Bom năm 2023; Kế hoạch triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2023; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới trên đại bàn huyện; Ban hành quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ các thành viên của Trung tâm Chỉ huy điều hành phòng, chống dịch Covid-19 và phục hồi kinh tế huyện; Tổ chức Kỷ niệm ngày “Thầy thuốc Việt Nam 27/02/2023”; Chấp thuận thực hiện chương trình khám tầm soát miễn phí

Chương trình "Trao đổi mắt sáng - Gửi vạn niềm vui" khám và cấp phát thuốc miễn phí cho người dân trên địa bàn huyện Trảng Bom. Kế hoạch triển khai chương trình kết hợp quân dân y chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn huyện Trảng Bom đến năm 2030 và báo cáo triển khai chương trình kết hợp quân dân y chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn huyện đến năm 2030. Xây dựng và triển khai kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 16/5/2023 về phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn huyện năm 2023; Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 16/5/2023 về triển khai chiến dịch diệt lăng quăng/bọ gậy phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 16/6/2023 về việc triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày ASEAN phòng chống Sốt xuất huyết lần thứ 13, Ngày vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân và triển khai chiến dịch diệt lăng quăng năm 2023 trên địa bàn huyện Trảng Bom. Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 30/6/2023 về việc triển khai chiến dịch "ngày cuối tuần phòng chống sốt xuất huyết" trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 28/9/2023 về việc thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Trảng Bom. Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 05/9/2023 về việc Chương trình phát triển hệ thống phục hồi chức năng giai đoạn 2023- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tính đến ngày 31/10/2023, tổng số người tham gia Bảo hiểm Y tế trên địa bàn huyện là 310.915 người/333.995 người, đạt tỷ lệ 93,09% (Nghị quyết 93%). Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi còn 5% (Nghị quyết 5%). Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi còn 16,2% (Nghị quyết 16,3%). Duy trì 100% Trạm Y tế xã, thị trấn có bác sĩ làm việc; 100% Trạm Y tế xã, thị trấn đủ điều kiện khám chữa bệnh.

Tình hình dịch bệnh trên người: Dịch bệnh Sốt xuất huyết (tính đến ngày 09/11/2023) phát hiện 461 ca, trong đó có 02 ca tử vong; so với cùng kỳ năm 2022 giảm 1.444 ca; huyện đã chỉ đạo các ngành, địa phương xử lý 127 ổ dịch. Dịch bệnh tay chân miệng (tính đến ngày 30/10/2023) phát hiện 1.372 ca mắc, so với cùng kỳ năm 2022 tăng 349 ca; huyện đã chỉ đạo các ngành, địa phương xử lý 78 ổ dịch.

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN TRẢNG BOM

5.1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Trảng Bom

5.1.1. Kết quả thực hiện theo số lượng công trình, dự án

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Trảng Bom được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3727/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 với 38 dự án và bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Trảng Bom được UBND tỉnh

phê duyệt tại Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 với 37 dự án, nâng tổng số dự án thực hiện trong năm 2023 của huyện là 75 dự án với tổng diện tích 489,48 ha. Đến nay, có 56 dự án đã và đang triển khai thực hiện các thủ tục về đất đai như: xây dựng phương án kiểm đếm, bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất,... đạt 74,67% so với kế hoạch được duyệt; còn lại 19 dự án chưa triển khai thực hiện. Trong đó:

Dự án đã hoàn thành thủ tục về đất đai: có 04 dự án với tổng diện tích 10,77 ha;

Dự án đang thực hiện: có 52 dự án với tổng diện tích 410,89 ha, gồm:

- Dự án đã có quyết định thu hồi đất toàn bộ diện tích: có 19 dự án với tổng diện tích 20,70 ha;

- Dự án đã có quyết định thu hồi đất một phần diện tích: có 10 dự án với tổng diện tích 135,55 ha;

- Dự án đã có thông báo thu hồi đất: có 04 dự án với tổng diện tích 173,45 ha;

- Dự án đã có chấp thuận chủ trương đầu tư: có 14 dự án với tổng diện tích 79,55 ha;

- Dự án đã xây dựng hiện trạng, đang thực hiện các thủ tục về đất đai: có 05 dự án với tổng diện tích 1,64 ha.

Dự án chưa triển khai thực hiện: có 19 dự án với tổng diện tích 67,82 ha.

(Chi tiết các dự án được thể hiện tại Biểu 02B/CH kèm theo)

5.1.2. Kết quả thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất được duyệt

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Trảng Bom được điều chỉnh tại Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Trảng Bom. Trong đó, chỉ tiêu đất nông nghiệp được duyệt là 24.532,52 ha và chỉ tiêu đất phi nông nghiệp được duyệt là 8.191,53 ha.

Để hoàn thành tất cả các công đoạn liên quan đến thủ tục về đất đai khi thực hiện dự án như: chấp thuận chủ trương đầu tư, hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất,... cần phải có thời gian khá dài, nhất là đối với những dự án có diện tích lớn.

Vì vậy, việc tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 sẽ căn cứ vào tổng số lượng, diện tích các dự án đã thực hiện, đang

triển khai thực hiện các thủ tục đất đai và kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2023.

- Đối với chỉ tiêu đất nông nghiệp: Theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt, diện tích đất nông nghiệp đến năm 2023 là 24.532,52 ha. Kết quả thực hiện đến nay, diện tích đất nông nghiệp là 24.845,18 ha, đạt tỷ lệ 101,27% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đối với chỉ tiêu đất phi nông nghiệp: Theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 được duyệt, diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2023 là 8.191,53 ha. Kết quả thực hiện đến nay là 7.878,87 ha, đạt 96,18% so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do các dự án đất phi nông nghiệp và diện tích đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân sang đất ở, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất thương mại dịch vụ trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện.

- Đối với việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong kế hoạch đạt kết quả chưa cao, trong đó:

+ Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở được duyệt là 237,03 ha, diện tích đã được cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là 11,16 ha, đạt 4,71% diện tích được duyệt.

+ Chuyển mục đích từ đất trồng lúa, đất rừng sản xuất sang đất trồng cây lâu năm: diện tích được duyệt là 60,69 ha, diện tích đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là 17,14 ha, đạt 28,24 % diện tích được duyệt.

+ Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh: diện tích được duyệt là 47,70 ha, đến nay diện tích đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là 0,00 ha.

+ Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ: diện tích được duyệt là 10,09 ha, đến nay diện tích đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là 0,00 ha.

Bảng 1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023
theo chỉ tiêu sử dụng đất được duyệt

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Chỉ tiêu KHSDD năm 2023 được duyệt tại Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	24.532,52	24.845,18	312,66	101,27
1.1	Đất trồng lúa	LUA	949,91	997,17	47,26	104,98
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>403,95</i>	<i>409,50</i>	<i>5,55</i>	<i>101,37</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.890,40	3.982,13	91,73	102,36
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	17.963,52	18.124,19	160,67	100,89
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	6,18	6,18	-	100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	9,45	9,45	-	100,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	195,61	203,41	7,80	103,99
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	926,05	931,18	5,13	100,55
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	591,40	591,47	0,07	100,01
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.191,53	7.878,87	-312,66	96,18
2.1	Đất quốc phòng	CQP	32,13	34,06	1,93	106,01
2.2	Đất an ninh	CAN	8,04	8,04	-	100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.703,12	1.703,12	-	100,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	53,08	53,08	-	100,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	69,74	63,75	-5,99	91,41
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	471,73	428,34	-43,39	90,80

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Chỉ tiêu KHSDD năm 2023 được duyệt tại Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	109,43	89,12	-20,31	81,44
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.004,79	2.010,26	5,47	100,27
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.286,00</i>	<i>1.292,70</i>	<i>6,70</i>	<i>100,52</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>155,30</i>	<i>153,60</i>	<i>-1,70</i>	<i>98,91</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>20,68</i>	<i>22,41</i>	<i>1,73</i>	<i>108,37</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>6,71</i>	<i>6,71</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>133,80</i>	<i>133,80</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>145,89</i>	<i>145,89</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>18,36</i>	<i>18,10</i>	<i>-0,26</i>	<i>98,58</i>
	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,14</i>	<i>1,14</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>1,16</i>	<i>1,16</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>20,63</i>	<i>20,63</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>71,31</i>	<i>71,31</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>132,02</i>	<i>131,02</i>	<i>-1,00</i>	<i>99,24</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>0,01</i>	<i>0,01</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>2,37</i>	<i>2,37</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>9,41</i>	<i>9,41</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,95	4,95	-	100,00

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Chỉ tiêu KHSDD năm 2023 được duyệt tại Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	8,19	8,19	-	100,00
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.217,24	1.975,46	-241,78	89,10
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	231,71	223,47	-8,24	96,44
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,67	13,32	-0,35	97,44
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,29	0,29	-	100,00
2.15	Đất tín ngưỡng	TIN	1,53	1,53	-	100,00
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	232,24	232,24	-	100,00
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.029,65	1.029,65	-	100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-

(Chi tiết được thể hiện tại Biểu 02/CH kèm theo)

Cụ thể như sau:

a. Đất nông nghiệp: chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 24.532,52 ha. Đến nay, đã thực hiện được 24.845,18 ha, cao hơn 312,66 ha và có tỷ lệ 101,27% so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do các dự án sử dụng đất phi nông nghiệp và chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân chưa triển khai thực hiện.

- **Đất trồng lúa:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 949,91 ha. Đến nay, đã thực hiện được 997,17 ha, cao hơn 47,26 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 104,98 % so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do các dự án sử dụng đất trồng lúa chưa triển khai thực hiện như: Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; Nghĩa trang An Viên Trảng Bom;...và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm, đất phi nông nghiệp trong hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nhưng chưa thực hiện chuyển mục đích.

Đất chuyên trồng lúa nước: chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 403,95 ha. Đến nay, đã thực hiện được 409,50 ha, cao hơn 5,55 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 101,37% so với chỉ tiêu được duyệt.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 3.890,40 ha. Đến nay, đã thực hiện được 3.982,13 ha, cao hơn 91,73 ha với chỉ tiêu được duyệt, đạt 102,36% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do các dự án sử dụng đất trồng cây hàng năm khác chưa triển khai thực hiện và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất phi nông nghiệp trong hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nhưng chưa thực hiện chuyển mục đích.

- **Đất trồng cây lâu năm:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 17.963,52 ha. Đến nay, đã thực hiện được 18.124,19 ha, cao hơn 160,67 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 100,89% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do các dự án sử dụng đất trồng cây lâu năm chưa triển khai thực hiện và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân từ đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp trong hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nhưng chưa thực hiện chuyển mục đích.

- **Đất rừng phòng hộ:** đã thực hiện đúng theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 6,18 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

- **Đất rừng đặc dụng:** đã thực hiện đúng theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 9,45 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

- **Đất rừng sản xuất:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 195,61 ha. Đến nay, đã thực hiện được 203,41 ha, cao hơn 7,8 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 103,99 % so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do các dự án sử dụng đất rừng sản xuất chưa triển khai thực hiện và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân từ đất rừng sản xuất sang đất trồng cây lâu năm, sang đất phi nông nghiệp trong hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nhưng chưa thực hiện chuyển mục đích.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 926,05 ha. Đến nay, đã thực hiện là 931,18 ha, cao hơn 5,13 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 100,55% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do các dự án sử dụng đất nuôi trồng thủy sản chưa triển khai thực hiện và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân từ đất nuôi trồng thủy sản sang đất phi nông nghiệp trong hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nhưng chưa thực hiện chuyển mục đích.

- **Đất nông nghiệp khác:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 591,40 ha. Đến nay, đã thực hiện là 591,47 ha, cao hơn 0,07 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 100,01% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do dự án Mở đá xây dựng Thiện tâm 10 tại xã Hồ Nai 3 có sử dụng 0,07 ha đất nông nghiệp khác nhưng chưa triển khai thực hiện.

b. Đất phi nông nghiệp: chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 8.191,53 ha. Đến nay, đã thực hiện được 7.878,87 ha, thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 312,66 ha, đạt tỷ lệ 96,18% so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do các dự án đất phi nông nghiệp chưa triển khai thực hiện như: Mạch 2 đường dây 220kv Bảo Lộc - Sông Mây; Cải tạo đường dây 110kv TBA 200kv TĐ Trị An - TBA Kiềm Tân; Khu dân cư mật độ thấp và khu du lịch thác Giang Điền; Nhà ở xã hội cho cán bộ quân đội trên địa bàn tỉnh (tại tờ 36 thửa 49); Mở đá xây dựng Thiện tâm 10; Trung tâm giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề xanh chất lượng cao GREEN TVET; Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo tại huyện Trảng Bom do Công ty Cổ phần Thống Nhất làm chủ đầu tư); Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty cổ phần dịch vụ bất động sản Đất Xanh làm chủ đầu tư).

- **Đất quốc phòng:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 32,13 ha. Đến nay, đã thực hiện được 34,06 ha, cao hơn 1,93 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 106,01% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do dự án Nhà ở xã hội cho cán bộ quân đội trên địa bàn tỉnh (tại tờ 36 thửa 49) có sử dụng 1,93 ha đất quốc phòng chuyển sang đất ở tại nông thôn để thực hiện dự án nhưng chưa triển khai thực hiện.

- **Đất an ninh:** thực hiện đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 8,04 ha.

- **Đất khu công nghiệp:** thực hiện đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1.703,12 ha.

- **Đất cụm công nghiệp:** thực hiện đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 53,08 ha.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 69,74 ha. Đến nay, đã thực hiện được 63,75 ha, thấp hơn 5,99 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 91,41% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do các dự án thương mại dịch vụ đưa vào kế hoạch để cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện như: Thửa đất số 1 và số 2, tờ bản đồ số 35; Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 29; Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 4; Khu đất đấu giá theo quy hoạch (0,64 ha);... và chuyển mục đích sử

dụng đất của hộ gia đình cá nhân sang đất thương mại dịch vụ trong hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nhưng chưa thực hiện chuyển mục đích.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 471,73 ha. Đến nay, đã thực hiện được 428,34 ha, thấp hơn 43,39 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 90,8% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do dự án Trạm thu mua nông sản đưa vào kế hoạch để chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện và chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh của hộ gia đình cá nhân trong hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nhưng chưa triển khai thực hiện.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 109,43 ha. Đến nay, đã thực hiện được 89,12 ha, thấp hơn 20,31 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 81,44% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do dự án Mỏ đá xây dựng Thiện tâm 10 diện tích 20,31 ha chưa triển khai thực hiện.

- **Đất phát triển hạ tầng:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 2.004,79 ha. Đến nay, đã thực hiện được 2.010,26 ha, thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 5,47 ha, đạt tỷ lệ 100,27% so với chỉ tiêu được duyệt. Trong đó:

* *Đất giao thông:* chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 1.286,00 ha. Đến nay, đã thực hiện được 1.292,70 ha, cao hơn 6,7 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 100,52% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do các dự án giao thông đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thu hồi đất chưa triển khai thực hiện như Đường Cách mạng tháng Tám (đoạn từ đường Trương Văn Bang đến đường Lê Hồng Phong);...và các dự án Khu dân cư và khu du lịch Giang Điền (Khu B), Mỏ đá xây dựng Thiện tâm 10 đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện thu hồi đất, giao đất có sử dụng đất giao thông hiện trạng chưa triển khai thực hiện.

* *Đất thủy lợi:* chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 155,3 ha. Đến nay, đã thực hiện được 153,6 ha, thấp hơn 1,7 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 98,91% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do các dự án đất thủy lợi đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thu hồi đất, cho thuê đất nhưng chưa triển khai thực hiện như Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom, giai đoạn ưu tiên; Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

* *Đất xây dựng cơ sở văn hoá*: chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 20,68 ha. Đến nay, đã thực hiện được 22,41 ha, cao hơn 1,73 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 108,37% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do dự án Khu dân cư và khu du lịch Giang Điền (Khu B) có sử dụng 1,73 ha đất xây dựng cơ sở văn hóa nhưng chưa triển khai thực hiện.

* *Đất xây dựng cơ sở y tế*: thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 6,71 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

* *Đất cơ sở giáo dục và đào tạo*: thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 133,8 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

* *Đất cơ sở thể dục - thể thao*: thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 145,89 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

* *Đất công trình năng lượng*: chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 18,36 ha. Đến nay, đã thực hiện được 18,1 ha, thấp hơn 0,26 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt tỷ lệ 98,58% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do các dự án đường điện đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện thu hồi đất nhưng chưa triển khai thực hiện như Mạch 2 đường dây 220kv Bảo Lộc - Sông Mây; Đường dây 110kV một mạch Vĩnh An - Định Quán; Cải tạo đường dây 110kv TBA 200kv TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân;...

* *Đất công trình bưu chính, viễn thông*: thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 1,14 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

* *Đất có di tích lịch sử - văn hóa*: thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 1,16 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

* *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 20,63 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

* *Đất cơ sở tôn giáo*: thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 71,31 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

* *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 132,02 ha. Đến nay, đã thực hiện được 131,02 ha, thấp hơn 1,00 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 99,24% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do dự án Nâng cấp nghĩa trang xã Đồi 61 diện tích 1,00 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện thu hồi đất nhưng chưa triển khai thực hiện.

* **Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ:** thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 0,01 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

* **Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội:** thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 2,37 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

* **Đất chợ:** thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 9,41 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 4,95 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 8,19 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt

- **Đất ở tại nông thôn:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 2.217,24 ha. Đến nay, đã thực hiện được 1.975,46 ha, thấp hơn 241,78 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 89,1% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do các dự án khu dân cư đưa vào kế hoạch sử dụng đất để giao đất nhưng chưa triển khai thực hiện như Khu dân cư và khu du lịch Giang Điền (Khu B); Nhà ở xã hội cho cán bộ quân đội trên địa bàn tỉnh (tại tờ 36 thửa 49);... và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân sang đất ở tại nông thôn nhưng chưa thực hiện chuyển mục đích.

- **Đất ở tại đô thị:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 231,71 ha. Đến nay, đã thực hiện được 223,47 ha, thấp hơn 8,24 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 96,44% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do các dự án nhà ở xã hội tại thị trấn Trảng Bom đưa vào kế hoạch sử dụng đất để giao đất nhưng chưa triển khai thực hiện như Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo tại huyện Trảng Bom do Công ty Cổ phần Thống Nhất làm chủ đầu tư); Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty cổ phần dịch vụ bất động sản Đất Xanh làm chủ đầu tư); Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu dân cư và Siêu thị tại thị trấn Trảng Bom do Công ty TNHH MTV Địa Ốc Cao su Đồng Nai làm chủ đầu tư); Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu dân cư Bàu Xéo tại thị trấn Trảng Bom do Công ty TNHH MTV Địa Ốc Cao su Đồng Nai làm chủ đầu tư); Nhà ở xã hội (tại khu đất khoảng 8,31 ha thuộc thửa đất số 128, tờ bản đồ số 8 thị trấn Trảng Bom) và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân sang đất ở tại đô thị nhưng chưa thực hiện chuyển mục đích.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 13,67 ha. Đến nay, đã thực hiện được 13,32 ha, thấp hơn 0,35 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 97,44% so với chỉ tiêu được duyệt.

Nguyên nhân: do công trình Trụ sở UBND thị trấn Trảng Bom diện tích 0,35 ha chưa triển khai thực hiện.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 0,29 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

- **Đất tín ngưỡng:** thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 1,53 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 232,24 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** thực hiện đến nay bằng với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 1.029,65 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

5.1.3. Kết quả thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 và năm 2021

Trong tổng số 75 dự án với tổng diện tích 489,48 ha đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất trong năm 2023 có 45 dự án với tổng diện tích 413,03 ha được chuyển tiếp từ các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 và năm 2021. Tiến độ thực hiện đến nay như sau:

- Có 02 dự án với tổng diện tích 5,20 ha đã hoàn tất các thủ tục về đất đai;
- Có 36 dự án với tổng diện tích 380,49 ha đang triển khai thực hiện nhưng chưa hoàn thành các thủ tục về đất đai. Trong đó:
 - + Đã có Quyết định thu hồi đất toàn bộ diện tích dự án: 18 dự án với tổng diện tích 20,01 ha;
 - + Đã có Quyết định thu hồi đất một phần diện tích: 08 dự án với tổng diện tích 135,35 ha;
 - + Đã có thông báo thu hồi đất: 03 dự án với tổng diện tích 172,99 ha;
 - + Đã có chủ trương đầu tư: 02 dự án với tổng diện tích 50,50 ha;
 - + Đã có hiện trạng chưa hoàn thành thủ tục đất đai: 05 dự án với tổng diện tích 1,64 ha.
- Chưa triển khai thực hiện: 07 dự án với tổng diện tích 27,34 ha.

(Chi tiết dự án được đính kèm tại Biểu 7/CH kèm theo)

5.1.4. Các dự án hủy kế hoạch sử dụng đất

Qua rà soát tiến độ thực hiện của các dự án trong kế hoạch sử dụng đất đến nay, UBND huyện đề xuất hủy bỏ đối với 21 dự án với tổng diện tích 32,22 ha.

(Chi tiết dự án được đính kèm tại Biểu 8/CH kèm theo)

5.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được phê duyệt làm cơ sở quan trọng để huyện Trảng Bom kịp thời triển khai thực hiện các công trình, dự án trọng điểm như: dự án KCN Sông Mây, KCN Bàu Xéo, KCN Hồ Nai, KCN Giang Điền, khu di tích lịch sử U1 (mở rộng), khu xử lý chất thải nguy hại và chất thải sinh hoạt, các dự án phát triển cơ sở hạ tầng như cải tạo, đầu tư mở rộng các tuyến đường, hệ thống cấp thoát nước, trường học,...trên địa bàn các xã, thị trấn,... góp phần phát triển hạ tầng, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn huyện.

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện trong năm 2023 đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện; tỷ lệ các dự án đã và đang triển khai thực hiện là khá cao (đạt 74,67% chỉ tiêu về số lượng dự án và 86,14% chỉ tiêu về diện tích được duyệt). Bên cạnh những mặt đạt được còn một số tồn tại sau:

- Kết quả hoàn thành các dự án theo kế hoạch sử dụng đất còn thấp (đã thực hiện xong chỉ được 04/75 dự án với diện tích 5,20 ha/489,48 ha), trong đó chủ yếu do việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm. Một số dự án lớn thực hiện kéo dài đã nhiều năm nhưng chưa hoàn thành, vừa ảnh hưởng đến tiến độ của dự án đầu tư, ảnh hưởng đến đời sống của người dân, vừa tác động không tốt đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Một số dự án trường học đã có hiện trạng được đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện các thủ tục đất đai nhưng nhiều năm vẫn chưa thực hiện xong.

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của huyện nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án không thuộc vốn đầu tư công (khu dân cư thương mại, nghĩa trang An Viên Trảng Bom,...), chủ đầu tư phải tự thỏa thuận, thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, nên tiến độ thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực này cũng phụ thuộc vào năng lực của chủ đầu tư. Trong khi pháp luật đất đai không quy định cụ thể về việc thẩm định năng lực của chủ đầu tư trước khi đưa vào kế hoạch.

5.3. Đánh giá nguyên nhân những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

- Các dự án nằm trong kế hoạch mà phải thu hồi đất thực hiện còn chậm do một số nguyên nhân sau:

+ Về trình tự, thủ tục thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng: Quy trình các bước thực hiện (từ khi thông báo thu hồi đất đến khi thông báo cho người bị thu hồi đất nhận tiền bồi thường) phải qua nhiều công đoạn. Tuy tỉnh Đồng Nai đã ban hành quy định thời gian hoàn thành các công đoạn và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị nhưng trên thực tế việc thực hiện còn chậm so với quy định, chủ yếu ở các khâu kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại, xác nhận nguồn gốc đất, lập phương án bồi thường. Ngoài ra, việc triển khai các công việc sau khi có thông báo thu hồi đất đến khi trình thẩm định phương án bồi thường các dự án còn chậm. Việc thực hiện các khâu trong công tác bồi thường các dự án không đồng bộ, không liên tục và thường bị gián đoạn.

+ Tình trạng người dân không phối hợp thực hiện công tác kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại để lập phương án bồi thường (phải tiến hành kiểm kê bắt buộc), không chấp hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường của cơ quan có thẩm quyền vẫn còn xảy ra. Tình hình khiếu kiện của người bị thu hồi đất vẫn còn khá phức tạp, ảnh hưởng lớn đến tiến độ bàn giao mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư.

+ Việc xác định giá đất cụ thể để bồi thường còn nhiều bất cập như: Theo quy định của Nghị quyết 73/NQ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ về việc ủy quyền định giá đất cụ thể thì giá đất cụ thể để bồi thường do UBND cấp huyện quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Tuy nhiên, phải có giá đất cụ thể thì mới lập được phương án bồi thường, niêm yết công khai, trình thẩm định và phê duyệt nên không thể ban hành được quyết định phê duyệt giá đất cụ thể cùng với thời điểm thu hồi đất. Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành chưa quy định thời gian hiệu lực của giá đất cụ thể, nhiều dự án đã phê duyệt giá đất cụ thể nhưng sau sáu tháng, một năm hoặc kéo dài hơn nữa mới phê duyệt phương án bồi thường. Pháp luật đất đai hiện hành cũng chưa quy định cụ thể việc giải quyết khiếu nại về giá đất.

+ Quy định về sự ràng buộc giữa khung giá đất, bảng giá đất và giá đất cụ thể đã ảnh hưởng đến việc xác định giá đất cụ thể để bồi thường (chưa sát với giá đất thị trường). Theo quy định của Luật Đất đai thì giá đất quy định trong bảng giá đất được xây dựng sát với giá thị trường nhưng lại bị khống chế bởi khung giá đất và khi giá đất cụ thể trên thị trường biến động tăng hoặc giảm phổ biến trên 20% so với bảng giá đất thì phải điều chỉnh lại bảng giá đất.

- Đối với các dự án có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai nhưng tiến độ thực hiện còn chậm nguyên nhân chủ yếu do: Để đạt chuẩn nông thôn mới, nhiều công trình đã được xây dựng trước mà chưa có các hồ sơ như: chấp thuận (hoặc quyết định) chủ trương đầu tư, thẩm định nhu cầu, cam kết môi trường,...; do vậy không đủ điều kiện để thực hiện giao đất. Ngoài ra, một số địa phương chưa thực sự quan tâm để thực hiện các dự án nằm trong kế hoạch dẫn đến tiến độ thực hiện kế hoạch còn chậm.

- Trong những năm gần đây, quy trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm, cải thiện nhiều nhưng vẫn là công việc rất phức tạp, vẫn mất nhiều thời gian để thực hiện nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện của toàn dự án.

- Đối với các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm nhưng chưa hoàn thành các thủ tục đất đai: ngoài các nguyên nhân chủ yếu nêu trên, vẫn còn tồn tại một số khó khăn nhất định như khi áp giá thị trường tại thời điểm thu hồi đất, do thời gian thực hiện dự án kéo dài khi chi trả cho công tác bồi thường thường cao hơn so với dự toán đã lập trước đó, dẫn đến việc phải điều chỉnh nguồn vốn cần có để bổ sung cho từng dự án. Việc điều chỉnh này tốn khá nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện các dự án.

VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

6.1. Phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Trảng Bom đã bám sát phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 tại Báo cáo số 994/BC-UBND ngày 24/11/2023 của UBND huyện Trảng Bom, đảm bảo sát với tình hình thực tế. Cụ thể như sau:

6.1.1. Mục tiêu tổng quát năm 2024

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền từ huyện đến các xã-thị trấn theo phương châm phục vụ để phát triển, gắn với phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân để huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội kết hợp với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện đồng bộ các giải pháp để tiếp tục phục hồi và phát triển kinh tế, quyết tâm thực hiện đạt và vượt các mục tiêu đã đề ra. Trên cơ sở kết quả ước thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023 và dự báo tình hình năm 2024, UBND huyện Trảng Bom xây dựng, đề xuất kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024 của huyện như sau:

*** Chỉ tiêu về kinh tế**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng khoảng 8- 8,5%; ngành dịch vụ khoảng 11-11,5%; ngành nông-lâm-thủy khoảng 4,05-4,3% so với năm 2023.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt khoảng 15.500-16.000 tỷ đồng.

- Thu ngân sách nhà nước: Phần đầu thu đạt và vượt dự toán tỉnh giao.

- Xây dựng mới 1-2 HTX gồm các loại hình, trong đó có trên 75% HTX hoạt động khá trở lên.

- Phần đầu trong năm 2024 có 2-3 xã hoàn thành xã nông thôn mới nâng cao và 1-2 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng 4-5 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP.

- Về xây dựng tiêu chí đô thị loại IV: Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt 28 m² sàn/người. Xây dựng từ 3-5 tuyến phố văn minh đô thị.

*** Chỉ tiêu về môi trường**

- Thu gom, xử lý 100% các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải nguy hại và chất thải y tế. Tỷ lệ hộ dân thực hiện phân loại rác tại nguồn theo Chỉ thị 54-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đạt 40-45%; ở cơ quan, đơn vị đạt 100%.

- Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 53%

*** Chỉ tiêu về an sinh xã hội**

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 94%.

- Tỷ lệ lao động không có việc làm khu vực đô thị dưới 2%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi còn 4,5%, suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi còn 16%.

- Duy trì 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ làm việc; 100% Trạm y tế xã, thị trấn đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

- Thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới (theo Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh), giảm 35% tỷ lệ hộ nghèo A.

- Phần đầu tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia ở khu vực đô thị là 100%, ở khu vực nông thôn là 88%.

- Tỷ lệ công nhân có chỗ ở phù hợp tiêu chuẩn nhà nước trong từng khu vực đạt 82,5%.

- Tỷ lệ giải quyết các thủ tục hành chính đúng hạn đạt từ 96% trở lên.

- 100% lãnh đạo đơn vị, địa phương sử dụng chữ ký số; 100% đơn vị, địa phương sử dụng hệ thống báo cáo trực tuyến; hoàn thành hệ thống truyền thanh thông minh cấp xã.

*** Chỉ tiêu về văn hóa, giáo dục - đào tạo**

- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa đạt 90%; tỷ lệ ấp-khu phố đạt chuẩn văn hóa đạt trên 95%. Trên 98% cơ quan, đơn vị (khu vực Nhà nước và các tổ chức chính trị-xã hội) đạt chuẩn văn hóa; tỷ lệ doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 75%. Duy trì thị trấn Trảng Bom đạt chuẩn đô thị văn minh.

- Thiết chế văn hóa cấp huyện và cấp xã hoạt động hiệu quả đạt 100%.

- Nhà văn hóa ấp, khu phố hoạt động hiệu quả đạt trên 90%.

- Xây dựng mới thêm 2-3 trường học công lập các cấp trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia (lũy kế 59-60/72 trường).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75,43%, trong đó tỷ lệ lao động từ trung cấp nghề trở lên là 22%.

*** Chỉ tiêu về quốc phòng - an ninh**

- Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân cả hai cấp, tỷ lệ đảng viên nhập ngũ phân đấu đạt chỉ tiêu UBND tỉnh giao. Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ đúng, đủ 100% theo biên chế được giao; tỷ lệ đảng viên trong Dân quân tự vệ, trong dân quân đạt chỉ tiêu được giao.

- Không để xảy ra điểm nóng về an ninh, trật tự, khủng bố, phá hoại.

- Phân đấu kéo giảm số vụ tội phạm về trật tự xã hội; kiềm chế, làm giảm số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng và cháy, nổ lớn; phát hiện số vụ ma túy theo Nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương.

- 100% tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, xử lý; tỷ lệ giải quyết đạt trên 90%.

6.2. Các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024

Nhu cầu sử dụng đất năm 2024 huyện Trảng Bom được tổng hợp trên cơ sở đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các Sở, ban, ngành, tổ chức kinh tế và UBND các xã, thị trấn. Ngày 22/12/2023, UBND huyện Trảng Bom có Báo cáo số 1122/BC-UBND về việc tiếp thu, giải trình ý kiến Sở ngành và góp ý của Hội đồng thẩm định. Như vậy, trong năm 2024 huyện Trảng Bom sẽ thực hiện 94 dự án sử dụng đất tổng diện tích 837,94 ha. Trong đó:

- Có 50 dự án với tổng diện tích 470,39 ha được chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024;

- Có 44 dự án với tổng diện tích 367,55 ha bổ sung mới năm 2024.

Cụ thể:

6.2.1. Các công trình, dự án kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

a. Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có 17 dự án/2,61 ha, cụ thể:

- **Đất an ninh:** năm 2024 có 17 dự án/2,61 ha, trong đó:

+ Có 01 dự án/0,20 ha chuyển tiếp là Nhà công an xã Đồi 61;

+ Có 16 dự án/2,41 ha, đây là trụ sở công an các xã Đông Hòa, Bắc Sơn, Hưng Thịnh, Quảng Tiến, Sông Trầu, An Viễn, Bàu Hàm, Bình Minh, Cây Gáo, Giang Điền, Hố Nai 3, Sông Thao, Tây Hòa, Thanh Bình, Trung Hòa và công an Thị trấn Trảng Bom. Trong đó, có 06 trụ sở công an tại xã Đông Hòa, Bắc Sơn, Hưng Thịnh, Quảng Tiến, Sông Trầu và thị trấn Trảng Bom thuộc trường hợp thu hồi đất theo Điều 61 Luật đất đai 2013, thực hiện điều chỉnh về quy mô, địa điểm đồng thời với bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo quy định tại mục c, điểm 3, khoản 3, Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/02/2020 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai quy định: “c) Trong trường hợp cần thiết mà phải điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình hoặc nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thì Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trình Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.”

b. Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có 05 dự án/328,73 ha, cụ thể:

- **Đất khu công nghiệp:** năm 2024 có 04 dự án/328,13 ha, chuyển tiếp là KCN Giang Điền, Hố Nai, Sông Mây và KCN Bàu Xéo.

- **Đất phát triển hạ tầng:** năm 2024 có 01 dự án/0,60 ha, cụ thể:

+ *Đất năng lượng:* năm 2024 có 01 dự án chuyển tiếp là Đường điện 500 KV Long Thành rẽ Phú Mỹ - Sông Mây diện tích 0,60 ha.

6.2.2. Các công trình, dự án còn lại

a. Các công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có 44 dự án/63,70 ha, cụ thể:

- **Đất phát triển hạ tầng:** năm 2024 có 37 dự án/26,87 ha, gồm có:

* *Đất giao thông:* năm 2024 có 21 dự án/12,21 ha. Trong đó:

- Có 14 dự án/8,35 ha chuyển tiếp là Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 30/4 xã Bàu Hàm; Đường và cầu tại ấp Tân Bắc; Đường 29/4 (đoạn trước Nông trường cao su); Đường Nguyễn Huệ (đoạn Nguyễn Tri Phương đến QL1A); Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo; Đường Nguyễn Hữu Cảnh (Đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ); Đường Nguyễn Hữu Cảnh (Đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba đường Trảng Bom - Cây Gáo); Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lý Nam Đế); Đường N1 (đoạn từ đường Ngô quyền đến đường D6); Đường Lê Lai (đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Hùng Vương); Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương); Đường Đinh Quang Ân; Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4/ đến đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa);

- Có 07 dự án/3,86 ha bổ sung mới là Đường 30 ấp Tân Bình (Nam QL1A trong đường sắt); Đường Nội Đồng Suối đá Cầu Công An; Đường nội bộ khu tái định cư 1,45 ha; Đường 3-2 (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Văn Linh); Đường Cách mạng tháng Tám (đoạn từ đường Trương Văn Bang đến đường 30/4); Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Hoàng); Đường Vườn Ngô.

* *Đất thủy lợi:* năm 2024 có 03 dự án/3,90 ha, trong đó:

+ Có 02 dự án chuyển tiếp là Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom, giai đoạn ưu tiên.

+ Có 01 dự án bổ sung mới là Hệ thống thoát nước ấp Tân Đạt, ấp Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom.

* *Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:* năm 2024 có 06 dự án/4,32 ha, trong đó:

+ Có 03 dự án/2,86 ha chuyển tiếp là Trường Tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn; Trường tiểu học Nguyễn Trãi (cơ sở 2); Trường tiểu học Nguyễn Trãi.

+ Có 03 dự án/1,46 ha bổ sung mới là Trường Tiểu học Tân Bình tại khu tái định cư Bình Minh; Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Kim Đồng; Trường mầm non Tư thực Hướng Dương.

* *Đất cơ sở văn hóa:* năm 2024 có 02 dự án/4,37 ha bổ sung mới là Trung tâm văn hóa và tổ chức sự kiện và Công viên văn hóa Hùng Vương.

* **Đất công trình năng lượng:** năm 2024 có 04 dự án/1,07 ha chuyển tiếp là Cải tạo đường dây 110kV TBA 200kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân; Đường dây 110kV một mạch Vĩnh An - Định Quán; Trạm biến áp 110kV Giang Điền và đường dây đầu nối và Đường dây 220KV Sông mây - Tam Phước.

* **Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** năm 2024 có 01 dự án/1,00 ha chuyển tiếp là Nâng cấp nghĩa trang xã Đồi 61.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** năm 2024 có 02 dự án/0,17 ha, trong đó:

+ Có 01 dự án/0,07 ha chuyển tiếp là Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bàu Cá;

+ Có 01 dự án/0,10 ha bổ sung mới là Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc khu phố 4.

- **Đất ở tại nông thôn:** năm 2024 có 03 dự án/34,86 ha. Trong đó:

+ Có 02 dự án/22,78 ha chuyển tiếp là: Khu tái định cư tại xã Bắc Sơn; Khu tái định cư tại xã Đông Hòa;

+ Có 01 dự án bổ sung mới với diện tích 12,08 ha là Khu dân cư tại xã Sông Trầu.

- **Đất ở tại đô thị:** năm 2024 có 01 dự án chuyển tiếp là Khu tái định cư phục vụ đường Nguyễn Hữu Cảnh diện tích 1,45 ha.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** năm 2024 có 01 dự án chuyển tiếp là Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Trảng Bom, diện tích 0,35 ha.

b. Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có 02 dự án/1,45 ha chuyển mục đích sử dụng đất, trong đó:

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** năm 2024 có 01 dự án chuyển tiếp với diện tích 0,35 ha là Trạm thu mua nông sản.

- **Đất cơ sở tôn giáo:** năm 2024 có 01 dự án bổ sung mới là Chùa Long Hưng với diện tích 1,10 ha.

c. Các khu vực sử dụng đất khác

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có 26 dự án/441,45 ha khu vực sử dụng đất khác, trong đó:

- **Đất thương mại, dịch vụ:** năm 2024 có 04 dự án/2,27 ha, trong đó:

+ Có 03 dự án/1,89 ha chuyển tiếp là Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 4; Khu đất đấu giá theo quy hoạch tại thị trấn Trảng Bom (khu đất thu hồi đất công ty Sonadezi); Thửa 61, tờ 29 (Khu đất Công ty Minh Huệ).

+ Có 01 dự án/0,38 ha bổ sung mới là Khu đất 3825,8 m², Khu công nghiệp Bàu Xéo (thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 44), thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** năm 2024 có 01 dự án chuyển tiếp với diện tích 20,28 ha là Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 10.

- **Đất phát triển hạ tầng:** năm 2024 có 05 dự án/383,20 ha, cụ thể:

* *Đất giao thông:* năm 2024 có 01 dự án bổ sung mới với diện tích 330,98 ha là Khu đất 351,8 ha tại xã Đồi 61.

* *Đất cơ sở văn hóa:* năm 2024 có 01 dự án bổ sung mới với diện tích 0,22 ha là Trung tâm văn hóa xã tại xã Sông Thao

* *Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:* năm 2024 có 01 dự án bổ sung mới với diện tích 1,78 ha là Trường THCS-THPT Bàu Hàm.

* *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:* năm 2024 có 01 dự án chuyển tiếp với diện tích 49,71 ha là Nghĩa trang An Viên Trảng Bom.

* *Đất cơ sở tôn giáo:* năm 2024 có 01 dự án bổ sung mới với diện tích 0,51 ha là Cộng đoàn nữ Lasan tình thương Lợi Hà.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** năm 2024 có 02 dự án/0,14 ha bổ sung mới là Văn phòng áp Xây dựng, Nhà Văn hóa áp Thuận Trường.

- **Đất ở tại nông thôn:** năm 2024 có 01 dự án chuyển tiếp với diện tích 2,25 ha là Nhà ở xã hội cho cán bộ quân đội trên địa bàn tỉnh (tại tờ 36 thửa 49).

- **Đất ở tại đô thị:** năm 2024 có 12 dự án/33,20 ha, trong đó:

+ Có 08 dự án/26,65 ha chuyển tiếp là Khu đấu giá theo quy hoạch tại thị trấn Trảng Bom (5,56 ha); Khu đấu giá theo quy hoạch tại thị trấn Trảng Bom (3,5 ha); Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo tại huyện Trảng Bom do Công ty Cổ phần Thống Nhất làm chủ đầu tư); Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty cổ phần dịch vụ bất động sản Đất Xanh làm chủ đầu tư); Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu dân cư và Siêu thị tại thị trấn Trảng Bom do Công ty TNHH MTV Địa Ốc Cao su Đồng Nai làm chủ đầu tư); Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu dân cư Bàu Xéo tại thị trấn Trảng Bom do Công ty TNHH MTV Địa Ốc Cao su Đồng Nai làm chủ đầu tư); Nhà ở xã hội (tại khu đất khoảng 8,31 ha thuộc thửa đất số 128, tờ bản đồ số 8 thị trấn Trảng Bom); Thửa đất số 1 và số 2, tờ bản đồ số 35 (Khu đất Trung tâm thương mại dịch vụ kết hợp ở tại thị trấn Trảng Bom), khu đất này đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất với mục đích đất ở kết hợp đất thương mại dịch vụ theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt (mục đích chính là đất ở tại đô thị).

+ Có 04 dự án/6,55 ha bổ sung mới là Khu dân cư (Khu đất thu hồi đất của công ty Xuân Thủy); Khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Trảng Bom (khu đất

1,2 ha thị trấn Trảng Bom) và Khu đất đấu giá theo quy hoạch tại thị trấn Trảng Bom; Thửa đất số 145 và 14, tờ bản đồ số 31.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** năm 2024 có 01 dự án bổ sung mới với diện tích 0,11 ha là Trụ sở Hạt kiểm lâm liên huyện Trảng Bom-Thống Nhất.

Bảng 2. Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			
				Chuyển tiếp		Bổ sung mới	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
1	Đất phi nông nghiệp	94	837,94	50	470,39	44	367,55
1.1	Đất an ninh	17	2,61	1	0,20	16	2,41
1.2	Đất khu công nghiệp	4	328,13	4	328,13	-	-
1.3	Đất thương mại, dịch vụ	4	2,27	3	1,89	1	0,38
1.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1	0,35	1	0,35	-	-
1.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	1	20,28	1	20,28	-	-
1.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	44	411,77	26	65,99	18	345,78
	<i>Đất giao thông</i>	22	343,19	14	8,35	8	334,84
	<i>Đất thủy lợi</i>	3	3,90	2	2,40	1	1,50
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	3	4,59	-	-	3	4,59
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	7	6,10	3	2,86	4	3,24
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	5	1,67	5	1,67	-	-
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	2	1,61	-	-	2	1,61
	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	2	50,71	2	50,71	-	-
1.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	4	0,31	1	0,07	3	0,24
1.8	Đất ở tại nông thôn	4	37,11	3	25,03	1	12,08
1.9	Đất ở tại đô thị	13	34,65	9	28,10	4	6,55
1.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1	0,35	1	0,35	-	-
1.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,11	-	-	1	0,11
Tổng		94	837,94	50	470,39	44	367,55

(Chi tiết các dự án đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

huyện Trảng Bom tại Biểu 06/CH kèm theo)

6.2.3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Trảng Bom

Căn cứ nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân năm 2024 trên địa bàn huyện theo điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 Luật đất đai 2013 và khoản 2 Điều 36 Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 02/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. UBND huyện Trảng Bom đã tổng hợp diện tích đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất vào hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 3.932 trường hợp với tổng diện tích là 333,03 ha, gồm:

- Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp: 221,44 ha;
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: 111,56 ha;
- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: 0,03 ha.

(Chi tiết danh sách các thửa đất theo Biểu 9/CH kèm theo)

6.3. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

6.3.1. Về chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất

Trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng năm 2023, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong năm 2024 của huyện và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương. Theo đó chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Trảng Bom như sau:

Bảng 3. Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.110,36	24.194,20	-916,16	96,35
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.013,69	907,93	-105,76	89,57
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>412,91</i>	<i>404,47</i>	<i>-8,44</i>	<i>97,96</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.025,79	3.841,80	-183,99	95,43
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	18.211,50	17.708,39	-503,11	97,24
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	6,18	6,18	-	100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	9,45	9,45	-	100,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	300,79	201,64	-99,15	67,04
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	950,35	928,02	-22,33	97,65
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	592,62	590,79	-1,83	99,69
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.613,69	8.529,85	916,16	112,03
1.1	Đất quốc phòng	CQP	34,06	32,13	-1,93	94,33
1.2	Đất an ninh	CAN	7,84	10,48	2,64	133,69
1.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.399,57	1.726,18	326,61	123,34

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2023 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
1.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	53,08	53,08	0,00	100,00
1.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	61,43	65,03	3,60	105,86
1.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	437,46	465,52	28,06	106,41
1.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	89,12	109,40	20,28	122,75
1.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.950,30	2.337,86	387,56	119,87
	Đất giao thông	DGT	1.288,29	1.616,49	328,20	125,48
	Đất thủy lợi	DTL	153,65	156,82	3,17	102,06
	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	23,67	26,18	2,51	110,59
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,71	6,59	-0,12	98,23
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	127,94	130,16	2,22	101,73
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	146,07	145,61	-0,46	99,68
	Đất công trình năng lượng	DNL	16,74	18,28	1,54	109,19
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,14	1,14	-	100,00
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,16	1,16	-	100,00
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	20,63	20,63	-	100,00
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	71,28	71,28	-	100,00
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	81,02	131,73	50,71	162,59
	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	0,01	0,01	-	100,00
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,37	2,37	0,00	100,00
	Đất chợ	DCH	9,61	9,41	-0,20	97,94
1.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,09	4,83	-0,26	94,94
1.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	8,00	7,93	-0,07	99,13
1.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.079,23	2.209,73	130,50	106,28
1.12	Đất ở tại đô thị	ODT	211,15	230,91	19,76	109,36
1.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,34	12,71	-0,63	95,26
1.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,60	0,64	0,04	106,93
1.15	Đất tín ngưỡng	TIN	1,53	1,53	-	100,00
1.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	232,24	232,24	-	100,00
1.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.029,65	1.029,65	-	100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	
II	Khu chức năng (*)					
1	Đất đô thị	KDT	936,33	936,33	-	

(*) Không tổng hợp vào diện tích tự nhiên

(Chi tiết theo đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 03/CH kèm theo)

Cụ thể:

a. Đất nông nghiệp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, thực hiện xây dựng các công trình an ninh, quốc phòng, trường học, cơ sở hạ tầng giao thông,... đã sử dụng đất nông nghiệp khá lớn. Vì vậy, diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện sẽ giảm quỹ đất, để bố trí quy hoạch các dự án để phát triển điều kiện kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật của huyện. Do đó, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng năm 2024 có diện tích đất nông nghiệp là 24.194,20 ha chiếm 96,35% diện tích tự nhiên, giảm 916,16 ha so với hiện trạng. Trong đó:

- **Đất trồng lúa:** hiện trạng năm 2023 là 1.013,69 ha, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 907,93 ha, giảm diện tích 105,76 ha để thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng lúa như: Nghĩa trang An Viên Trảng Bom, Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, KCN Bàu Xéo và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất ở tại nông thôn, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và đất thương mại dịch vụ theo nhu cầu của hộ gia đình cá nhân trong năm 2024.

Trong đó, diện tích chuyên trồng lúa năm 2024 là 404,47 ha, giảm 8,44 ha so với hiện trạng để thực hiện dự án Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm, đất phi nông nghiệp theo nhu cầu của hộ gia đình cá nhân trong năm 2024.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** hiện trạng năm 2023 là 4.025,79 ha, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 3.841,80 ha, giảm 183,99 ha để thực hiện các dự án trong năm 2024 như: Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; Trường tiểu học Nguyễn Trãi; Trường Tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn; Nghĩa trang An Viên Trảng Bom; Khu tái định cư tại xã Đông Hòa; Mỏ đá xây dựng Thiện tâm 10; KCN Sông Mây; KCN Bàu Xéo; KCN Hố Nai;... và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở tại nông thôn, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và đất thương mại dịch vụ theo nhu cầu của hộ gia đình cá nhân trong năm 2024

- **Đất trồng cây lâu năm:** hiện trạng năm 2023 là 18.211,50 ha, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có 17.708,39 ha, giảm 503,11 ha để thực hiện một số dự án như: Nghĩa trang An Viên Trảng Bom; Khu tái định cư tại xã Đông Hòa; Mỏ đá xây dựng Thiện tâm 10; KCN Sông Mây; KCN Hố Nai; Khu đất 351,8 ha;... và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở

tại nông thôn, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và đất thương mại dịch vụ theo nhu cầu của hộ gia đình cá nhân trong năm 2024.

- **Đất rừng phòng hộ:** diện tích 6,18 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

- **Đất rừng đặc dụng:** diện tích là 9,45 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

- **Đất rừng sản xuất:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có 201,64 ha, giảm 99,15 ha so với hiện trạng năm 2023 để thực hiện các dự án KCN Sông Mây; KCN Hồ Nai và chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn theo nhu cầu của hộ gia đình cá nhân trong năm 2024.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** hiện trạng năm 2023 là 950,35 ha, chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 928,02 ha, giảm 22,33 ha so với hiện trạng để thực hiện các dự án: Đường và cầu tại ấp Tân Bắc; Nghĩa trang An Viên Trảng Bom; Mỏ đá xây dựng Thiện tâm 10; KCN Sông Mây; KCN Bàu Xéo; KCN Hồ Nai;... và chuyển mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản sang đất ở tại nông thôn theo nhu cầu của hộ gia đình cá nhân trong năm 2024.

- **Đất nông nghiệp khác:** hiện trạng năm 2023 là 592,62 ha, chỉ tiêu đất nông nghiệp khác trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 590,79 ha, giảm 1,83 ha để thực hiện các dự án: Nghĩa trang An Viên Trảng Bom; Mỏ đá xây dựng Thiện tâm 10; KCN Sông Mây; KCN Hồ Nai; Đường 30 ấp Tân Bình (Nam QL1A trong đường sắt).

b. Đất phi nông nghiệp: hiện trạng năm 2023 là 7.613,69 ha, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đất phi nông nghiệp là 8.529,85 ha, tăng 916,16 ha. Trong đó:

- **Đất quốc phòng:** kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 32,13 ha giảm 1,93 ha so với hiện trạng năm 2023 để thực hiện dự án Nhà ở xã hội cho cán bộ quân đội trên địa bàn tỉnh (tại tờ 36 thửa 49) tại xã Sông Trầu.

- **Đất an ninh:** để đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện, nên kế hoạch sử dụng đất 2024 đã bố trí trụ sở công an các xã, thị trấn theo nhu cầu của ngành công an theo đề án của tỉnh. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 10,48 ha tăng 2,64 ha so với hiện trạng năm 2023 để thực hiện trụ sở công an của 17/17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Trảng Bom.

- **Đất khu công nghiệp:** kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 1.726,18 ha, tăng hơn 326,61 ha so với hiện trạng để triển khai các Khu công nghiệp Hồ Nai, Sông Mây, Bàu Xéo và Giang Điền.

- **Đất cụm công nghiệp:** kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 53,08 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** hiện trạng năm 2023 là 61,43 ha, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 65,03 ha, tăng 3,60 ha so với hiện trạng. Trong đó:

+ Giảm 1,08 ha để thực hiện các dự án Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lý Nam Đế), Công viên văn hóa Hùng Vương.

+ Tăng 4,68 ha để thực hiện dự án Khu đất đấu giá theo quy hoạch (0,64 ha) tại thị trấn Trảng Bom; Thửa đất số 1 và số 2, tờ bản đồ số 35; Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 29; Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 4; Khu đất 3825,8 m², Khu công nghiệp Bàu Xéo (thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 44), thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ theo nhu cầu của hộ gia đình cá nhân trong năm 2024.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** hiện trạng năm 2023 là 437,46 ha, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 465,52 ha, tăng 28,06 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Giảm 14,47 ha để thực hiện các dự án: Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương); Mỏ đá xây dựng Thiện tâm 10; Khu đất đấu giá theo quy hoạch (0,64 ha); Đường dây 220KV Sông Mây - Tam Phước; KCN Hồ Nai; Đường 30 ấp Tân Bình (Nam QL1A trong đường sắt).

+ Tăng 42,53 ha để thực hiện các dự án Trạm thu mua nông sản và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp theo nhu cầu của hộ gia đình cá nhân trong năm 2024.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** hiện trạng năm 2023 là 89,12 ha, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 109,40 ha, tăng 20,28 ha so với năm 2023 để thực hiện dự án Mỏ đá xây dựng Thiện tâm 10 tại xã Hồ Nai 3.

- **Đất phát triển hạ tầng:** hiện trạng năm 2023 là 1.950,30 ha, diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 2.337,86 ha, tăng 387,56 ha so với hiện trạng. Trong đó, đó diện tích đất giao thông chiếm tỷ lệ cao trong nhóm đất này. Các dự án trọng điểm sẽ được đưa vào thực hiện trong năm 2024 phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện.

* *Đất giao thông:* trong năm 2024 là 1.616,49 tăng 328,20 ha so với hiện trạng, trong đó:

+ Tăng 336,63 ha để thực hiện mở rộng, nâng cấp, xây dựng một số tuyến đường gồm: Đường 29/4 (đoạn trước Nông trường cao su); Đường Nguyễn Hữu Cảnh (Đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba đường Trảng Bom - Cây Gáo); Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 30/4 xã Bàu Hàm; Đường và cầu tại ấp Tân Bắc; Đường Nguyễn Hữu Cảnh (Đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ); Đường N1; Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lý Nam Đế); Đường Lê Lai (đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Hùng Vương); Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương); Đường Đinh Quang Ân; Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4/ đến đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa); Đường Nguyễn Huệ (đoạn Nguyễn Tri Phương đến QL1A); Đường 30 ấp Tân Bình (Nam QL1A trong đường sắt); Đường Vườn Ngô; Đường nội bộ khu tái định cư 1,45 ha; Đường 3-2 (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Văn Linh); Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Hoàng); Đường Cách mạng tháng Tám (đoạn từ đường Trương Văn Bang đến đường 30/4) và Khu đất 351,8 ha tại xã Đồi 61.

Tuy nhiên, đất giao thông giảm 8,43 ha để thực hiện các dự án Nghĩa trang An Viên Trảng Bom; Khu tái định cư tại xã Đông Hòa; Mỏ đá xây dựng Thiện tâm 10; KCN Sông Mây; KCN Bàu Xéo; KCN Hồ Nai;...

* *Đất thủy lợi*: kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có diện tích 156,82 ha, tăng 3,17 ha so với hiện trạng, trong đó:

+ Tăng 3,31 ha để thực hiện các dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom, giai đoạn ưu tiên; Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

+ Giảm 0,14 ha để thực hiện các dự án Đường Nguyễn Hữu Cảnh (Đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ); Mỏ đá xây dựng Thiện tâm 10.

* *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: hiện trạng năm 2023 có diện tích là 23,67 ha, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 26,18 ha, tăng 2,51 ha so với hiện trạng, trong đó:

+ Tăng 4,59 ha để thực hiện các dự án Trung tâm văn hóa và tổ chức sự kiện; Công viên văn hóa Hùng Vương; Trung tâm văn hóa xã.

+ Giảm 2,08 ha để thực hiện các dự án có sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa là Thửa đất số 1 và số 2, tờ bản đồ số 35; Khu đất đấu giá theo quy hoạch (1,30 ha); Trụ sở Công an xã An Viễn; Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Kim Đồng; Trụ sở công an xã Hưng Thịnh.

* *Đất xây dựng cơ sở y tế*: kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có diện tích 6,71 ha, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 6,59 ha giảm 0,12 ha để thực hiện trụ sở công an xã Thanh Bình.

* *Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo*: tiếp tục thực hiện và xây dựng mới các cấp cơ sở giáo dục - đào tạo, do đó kế hoạch trong năm 2024 diện tích là 130,16 ha, tăng 2,22 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Giảm 3,88 ha để thực hiện các dự án Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4/ đến đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa); Thửa đất số 1 và số 2, tờ bản đồ số 35; Trường Tiểu học Tân Bình tại khu tái định cư Bình Minh; Trường THCS-THPT Bàu Hàm; Trụ sở Công an xã Sông Trầu; Trụ sở Công an xã Bàu Hàm.

+ Bên cạnh đó, huyện đã bố trí tăng thêm 6,10 ha để thực hiện các công trình giáo dục như: Trường mầm non Tư thực Hướng Dương; Trường tiểu học Nguyễn Trãi; Trường tiểu học Nguyễn Trãi (cơ sở 2); Trường Tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn; Trường Tiểu học Tân Bình tại khu tái định cư Bình Minh; Trường THCS-THPT Bàu Hàm; Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Kim Đồng.

* *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*: tiếp tục thực hiện các dự án thể thao, diện tích đất cơ sở thể dục thể thao trong năm 2024 là 145,61 ha, giảm 0,46 ha so với hiện trạng năm 2023 để thực hiện Đường 29/4 (đoạn trước Nông trường cao su); Trường tiểu học Nguyễn Trãi (cơ sở 2); Trụ sở công an xã Bắc Sơn;...

* *Đất công trình năng lượng*: hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 16,74 ha, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có diện tích 18,28 ha, cao hơn 1,54 ha, trong đó:

+ Giảm 0,02 ha để thực hiện KCN Sông Mây;

+ Tăng 1,56 ha để thực hiện các dự án Đường điện 500 KV Long Thành rẽ Phú Mỹ - Sông Mây; Cải tạo đường dây 110kv TBA 200kv TĐ Trị An - TBA Kiềm Tân; Trạm biến áp 110kV Giang Điền và đường dây đấu nối.

* *Đất công trình bưu chính, viễn thông*: kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 1,14 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

* *Đất có di tích lịch sử - văn hóa*: kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 1,16 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

* *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 20,63 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

* *Đất cơ sở tôn giáo*: hiện trạng năm 2023 là 71,28 ha giữ nguyên so với hiện trạng năm 2023.

* *Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:* nhằm tạo cảnh quan khu vực sống, hiện nay vẫn còn xen kẽ chôn cất nhỏ lẻ trong khu dân cư. Do vậy, diện tích đất nghĩa trang trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 131,73 ha, tăng 50,71 ha so với hiện trạng năm 2023 để thực hiện dự án Nâng cấp nghĩa trang xã Đồi 61; Nghĩa trang An Viên Trảng Bom.

* *Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ:* diện tích kế hoạch năm 2024 là 0,01 ha, không đổi so với hiện trạng 2023.

* *Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội:* diện tích kế hoạch năm 2024 là 2,37 ha, không đổi so với hiện trạng 2023.

* *Đất chợ:* hiện trạng 2023 là 9,61 ha, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có diện tích 9,41 ha, giảm 0,20 ha so với hiện trạng để thực hiện Nhà Công an xã Đồi 61.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** hiện trạng năm 2023 có diện tích 5,09 ha, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có diện tích là 4,83 ha giảm 0,26 ha so với hiện trạng, trong đó:

+ Giảm 0,35 ha để thực hiện Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 4; Trụ sở Công an xã Cây Gáo; Trụ sở Công an Tây Hòa;

+ Tăng 0,09 ha để thực hiện công trình Nhà Văn hóa ấp Thuận Trường.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có diện tích 7,93 ha, giảm 0,07 ha so với hiện trạng năm 2023, để thực hiện dự án có sử dụng đất Trụ sở Công an xã Giang Điền

- **Đất ở tại nông thôn:** hiện trạng năm 2023 là 2.079,23 ha, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 2.209,73 ha, tăng 130,50 ha so với hiện trạng. Trong đó:

+ Giảm 84,62 ha để thực hiện các dự án Đường điện 500 KV Long Thành rẽ Phú Mỹ - Sông Mỹ; Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 30/4 xã Bàu Hàm; Đường và cầu tại ấp Tân Bắc; Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; Trường Tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn; Đường dây 110kV một mạch Vĩnh An - Định Quán; Cải tạo đường dây 110kv TBA 200kv TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân; Nghĩa trang An Viên Trảng Bom; Khu tái định cư tại xã Đông Hòa; Mỏ đá xây dựng Thiện tâm 10; Trạm biến áp 110kV Giang Điền và đường dây đầu nối;...

+ Tăng 215,12 ha để thực hiện các dự án Khu tái định cư tại xã Bắc Sơn; Khu tái định cư tại xã Đông Hòa; Khu dân cư và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn theo nhu cầu của hộ gia đình cá nhân trong năm 2024.

- **Đất ở đô thị:** hiện trạng năm 2023 là 211,15 ha, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện có 230,91 ha diện tích đất ở đô thị, tăng 19,76 ha so với hiện trạng. Trong đó:

+ Tăng 31,63 ha để thực hiện các dự án Khu tái định cư phục vụ đường Nguyễn Hữu Cảnh; Thửa đất số 1 và số 2, tờ bản đồ số 35; Khu đất đấu giá theo quy hoạch (1,30 ha); Thửa đất số 145, tờ bản đồ số 31; Khu đất đấu giá theo quy hoạch tại thị trấn Trảng Bom (5,56 ha); Khu đất đấu giá theo quy hoạch tại thị trấn Trảng Bom (3,5 ha); Khu đất đấu giá theo quy hoạch (1,15 ha); Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo tại huyện Trảng Bom do Công ty Cổ phần Thống Nhất làm chủ đầu tư); Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty cổ phần dịch vụ bất động sản Đất Xanh làm chủ đầu tư); Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu dân cư và Siêu thị tại thị trấn Trảng Bom do Công ty TNHH MTV Địa Ốc Cao su Đồng Nai làm chủ đầu tư); Nhà ở xã hội (thuộc quỹ đất nhà ở xã hội của Dự án Khu dân cư Bàu Xéo tại thị trấn Trảng Bom do Công ty TNHH MTV Địa Ốc Cao su Đồng Nai làm chủ đầu tư); Nhà ở xã hội (tại khu đất khoảng 8,31 ha thuộc thửa đất số 128, tờ bản đồ số 8 thị trấn Trảng Bom); Khu đất đấu giá theo quy hoạch tại thị trấn Trảng Bom và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại đô thị theo nhu cầu của hộ gia đình cá nhân trong năm 2024.

+ Bên cạnh đó giảm 11,87 ha để thực hiện các dự án có sử dụng đất ở tại đô thị gồm: Đường 29/4 (đoạn trước Nông trường cao su); Đường Nguyễn Hữu Cảnh (Đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba đường Trảng Bom - Cây Gáo); Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; Đường N1; Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương); Đường Đinh Quang Ân; Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4/ đến đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa); Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom, giai đoạn ưu tiên; Đường Nguyễn Huệ (đoạn Nguyễn Tri Phương đến QL1A); Đường Cách mạng tháng Tám (đoạn từ đường Trương Văn Bang đến đường 30/4); Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Hoàng).

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** hiện trạng năm 2023 là 13,34 ha, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có diện tích 12,71 ha, giảm 0,63 ha so với diện tích hiện trạng, trong đó:

+ Giảm 0,98 ha để thực hiện các dự án có sử dụng đất trụ sở cơ quan là Khu đất đấu giá theo quy hoạch (1,30 ha); Khu đất đấu giá theo quy hoạch (1,15 ha); Trụ sở công an xã Đông Hòa; Trụ sở công an thị trấn Trảng Bom.

+ Tăng 0,35 ha để thực hiện dự án Trụ sở UBND thị trấn Trảng Bom.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** hiện trạng năm 2023 là 0,60 ha, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có diện tích 0,64 ha, tăng 0,04 ha so với diện tích hiện trạng, cụ thể:

+ Giảm 0,60 ha để thực hiện dự án Khu tái định cư tại xã Đông Hòa

+ Tăng 0,64 ha để thực hiện dự án để thực hiện dự án Trụ sở Hạt kiểm lâm liên huyện Trảng Bom-Thống Nhất.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 1,53 ha, không đổi so với hiện trạng năm 2023.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** hiện trạng năm 2023 là 232,24 ha, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 232,24 ha, không đổi so với hiện trạng.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 1.029,65 ha không đổi so với hiện trạng năm 2023.

6.3.2. Sự phù hợp của chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 so với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt.

Bảng 4. Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 so sánh với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt

Đơn vị tính: ha

S T T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	QHSDĐ đến năm 2030	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	So sánh tăng (+); giảm (-)
	I. Loại đất				
1	Đất nông nghiệp	NNP	18.768,32	24.194,20	5.425,88
1.1	Đất trồng lúa	LUA	713,14	907,93	194,79
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>324,36</i>	<i>404,47</i>	<i>80,11</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.992,04	3.841,80	1.849,76
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	14.685,31	17.708,39	3.023,08
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	6,18	6,18	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	5,88	9,45	3,57
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	10,83	201,64	190,81
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>2,77</i>	<i>-</i>	<i>-2,77</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	684,29	928,02	243,73
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	670,65	590,79	-79,86
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	13.955,73	8.529,85	5.425,88
2.1	Đất quốc phòng	CQP	81,27	32,13	-49,14
2.2	Đất an ninh	CAN	17,68	10,48	-7,20
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	2.050,46	1.726,18	-324,28
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	245,08	53,08	-192,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	588,43	65,03	-523,40

S T T	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	QHSDĐ đến năm 2030	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	So sánh tăng (+); giảm (-)
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	499,00	465,52	-33,48
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	427,90	109,40	-318,50
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5.070,76	2.337,86	2.732,90
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>3.752,66</i>	<i>1.616,49</i>	<i>2.136,17</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>158,24</i>	<i>156,82</i>	<i>-1,42</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>130,19</i>	<i>26,18</i>	<i>-104,01</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>63,93</i>	<i>6,59</i>	<i>-57,34</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>360,38</i>	<i>130,16</i>	<i>-230,22</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>282,68</i>	<i>145,61</i>	<i>-137,07</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>25,95</i>	<i>18,28</i>	<i>-7,67</i>
	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,37</i>	<i>1,14</i>	<i>-0,23</i>
	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>4,82</i>	<i>1,16</i>	<i>-3,66</i>
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>48,01</i>	<i>20,63</i>	<i>-27,38</i>
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>84,14</i>	<i>71,28</i>	<i>-12,86</i>
	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>142,83</i>	<i>131,73</i>	<i>-11,10</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>0,02</i>	<i>0,01</i>	<i>-0,01</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>3,47</i>	<i>2,37</i>	<i>-1,10</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>12,07</i>	<i>9,41</i>	<i>-2,66</i>
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,98	4,83	-0,15
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	555,56	7,93	-547,63
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.417,61	2.209,73	-207,88
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	237,98	230,91	-7,07
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	19,92	12,71	-7,21
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,95	0,64	-0,31
2.15	Đất tín ngưỡng	TIN	1,74	1,53	-0,21
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	235,12	232,24	-2,88
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.273,51	1.029,65	-243,86
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-
	II. Khu chức năng (*)				
1	Đất đô thị	KDT	936,33	936,33	-

Ghi chú: (*) Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Nhìn chung chỉ tiêu đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5369/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, cụ thể:

Chỉ tiêu đất nông nghiệp thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 24.194,20 ha, vẫn còn 5.425,88 ha đất nông nghiệp so với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được phê duyệt. Trong đó, các chỉ tiêu cần làm rõ thêm, cụ thể:

- Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên (RSN): quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 2,77 ha, chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 0,00 ha, thấp hơn 2,77 ha so với quy hoạch. Nguyên nhân do khu rừng Linh Quy với diện tích 2,77 ha tại Tây Hòa (do huyện Đội quản lý) được bổ sung quy hoạch sử dụng đất là rừng sản xuất tự nhiên trong hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trảng Bom, tuy nhiên khu đất này không có trong các hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Trảng Bom.

- Đất nông nghiệp khác (NKH): quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 670,65 ha, chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 590,79, thấp hơn 79,86 ha so với quy hoạch. Nguyên nhân do trong hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 có quy hoạch bổ sung một số dự án đất nông nghiệp khác như: Khu vực phát triển nông nghiệp khác xã Cây Gáo, Đông Hòa, Thanh Bình, Trung Hòa, Khu ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, Trại heo giống lấy tinh, Viện nghiên cứu nông nghiệp. Tuy nhiên, các dự án này chưa có nhu cầu sử dụng đất trong năm 2024 nên chưa có trong các hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Trảng Bom.

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 8.529,85 ha, thấp hơn 5.425,88 ha đất phi nông nghiệp so với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được phê duyệt. Đây là diện tích các công trình dự án được bố trí trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 chưa có bố trí vốn thực hiện trong năm 2024.

6.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất theo điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 Luật đất đai 2013 cụ thể như sau:

Bảng 5. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất hiện trạng trong năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		916,17
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	14,37
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>0,36</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	163,81
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	614,04

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích (ha)
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	99,15
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN/PNN	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	22,97
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	1,83
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		91,39
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	90,75
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	0,64
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	5,88

(Chi tiết theo đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 4/CH kèm theo)

Bảng 6. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất hồ sơ địa chính trong năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		916,20
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	18,38
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	0,36
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	156,39
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	614,07
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	102,56
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN/PNN	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	22,97
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	1,83
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		111,57
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	102,50
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	0,64
2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	8,43

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích (ha)
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN/NKR(a)	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	5,88

(Chi tiết theo đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 4B/CH kèm theo)

6.5. Diện tích đất phải thu hồi đất trong năm 2024

Trong số các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 nêu trên thì các dự án sẽ thu hồi đất theo Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, như sau:

Bảng 7. Diện tích cần thu hồi đất năm 2024

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	414,45
1.1	Đất trồng lúa	LUA	28,33
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	0,65
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	75,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	160,52
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	140,25
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	8,33
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,78
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	26,16
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	16,81
	<i>Đất giao thông</i>	DGT	13,39
	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	0,18
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	DVH	1,30
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	0,12
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	DGD	0,52
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	DTT	0,46
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	0,07
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	TON	0,04
	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	DXH	0,53
	<i>Đất chợ</i>	DCH	0,20
2.2	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,21
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	7,35

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích (ha)
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	1,39
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,40
Tổng			440,61

(Chi tiết theo đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 05/CH kèm theo)

VII. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024, huyện bố trí thêm nhiều công trình, dự án phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc tính toán các khoản thu, chi từ đất trong phương án quy hoạch được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý và cơ sở gồm: Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 05 năm, giai đoạn 2020-2024 tại Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện, dự kiến các khoản thu, chi từ đất của huyện trong năm 2024 như sau:

- Các khoản thu từ đất bao gồm: thu từ việc giao đất ở đô thị, đất ở nông thôn, cho thuê đất, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Do đó tổng thu từ đất khoảng 472,03 tỷ đồng.

- Tổng chi từ đất khoảng 357,16 tỷ đồng, gồm các khoản chi: chi đền bù giải tỏa đất, chi bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi, tài sản trên đất, chi hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, chi suất tái định cư tối thiểu.

- Cân đối thu chi các khoản có liên quan đến đất là: 114,87 tỷ đồng.

Bên cạnh việc mang lại những khoản thu cần thiết cho huyện, việc thực hiện dự án theo quy hoạch góp phần cải tạo mỹ quan đô thị trong tương lai, giao thông được cải thiện thuận lợi trong việc kết nối giao thương với vùng lân cận, hạ tầng đồng bộ, tiết kiệm quỹ đất đáp ứng đủ nhu cầu cần thiết của người dân.

Kết quả này cho thấy rõ rệt về tính hiệu quả của việc kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Trảng Bom.

Bên cạnh việc mang lại những khoản thu cần thiết cho huyện, việc thực hiện dự án theo quy hoạch góp phần cải tạo mỹ quan đô thị trong tương lai, giao thông được cải thiện thuận lợi trong việc kết nối giao thương với vùng lân cận, hạ tầng đồng bộ, tiết kiệm quỹ đất đáp ứng đủ nhu cầu cần thiết của người dân.

Kết quả này cho thấy rõ rệt về tính hiệu quả của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Trảng Bom.

VIII. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

8.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp như sinh học, nông học, hóa học, cơ học... và đầu tư thâm canh sử dụng đất theo chiều sâu. Tái tạo lớp phủ thực vật bằng cây rừng hoặc tổ hợp cây nông - lâm kết hợp để bảo vệ độ phì nhiêu của đất và sử dụng bền vững đất dốc. Trồng cây lâu năm có giá trị kinh tế, thương mại cao kết hợp kết hợp quy trình canh tác đúng kỹ thuật nhằm cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác quan trắc môi trường để cảnh báo ô nhiễm môi trường; xây dựng và hoàn thiện hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên đất; quan trắc môi trường trong các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn. Khuyến khích đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, ít chất thải; kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị.

- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

8.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Quan tâm thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức quản lý đất đai cấp cơ sở

để có đủ khả năng thực hiện quản lý, giám sát, kiểm tra, xử lý các vi phạm trong lĩnh vực quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng cường ứng dụng, khai thác hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai trong việc kiểm tra, giám sát, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó công bố công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

8.3. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất

- Công bố công khai, kịp thời nội dung kế hoạch sử dụng đất; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai.

8.4. Các giải pháp khác

8.4.1. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đã được UBND tỉnh ban hành, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

- Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi, để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các khu công nghiệp và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác.

8.4.2. Giải pháp về nguồn lực, vốn đầu tư

a. Giải pháp đào tạo, ưu đãi thu hút phát triển nguồn nhân lực

- Có giải pháp thu hút lao động có tay nghề đã qua đào tạo, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ; có kế hoạch đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động tại địa phương thông qua thành lập các trường đào tạo nghề và các trung tâm dạy nghề chất lượng cao để đào tạo nguồn lao động; ưu tiên đào tạo nghề cho lao động tại nông thôn để dễ dàng chuyển đổi ngành nghề khi bị thu hồi đất

b. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Tăng cường đổi mới cơ chế trong lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường phù hợp với địa phương, tạo môi trường cho hoạt động khoa học và công nghệ, trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c. Giải pháp về vốn đầu tư

- Kêu gọi đầu tư dưới nhiều hình thức: đầu tư trực tiếp, gián tiếp, đầu tư theo phương thức hợp tác, liên doanh. Khuyến khích doanh nghiệp triển khai các dự án công nghiệp công nghệ cao, trung tâm tài chính, du lịch, xây dựng các khu đô thị; đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút đầu tư trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, phát thanh, truyền hình, khoa học công nghệ và môi trường.

8.5. Tổ chức thực hiện

8.5.1. Phòng Tài chính Kế hoạch

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn trong năm 2024 để giải ngân kinh phí đúng thời hạn để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách.

8.5.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai; phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục về đất đai cho các dự án có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện, trong đó lưu ý các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 03 năm trở lên chưa hoàn thành thủ tục về đất đai chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để tiếp tục thực hiện.

8.5.3. Các Ban, ngành của huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

- UBND xã tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất và niên yết bản đồ kế hoạch sử dụng đất tại trụ sở UBND xã để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã được biết;

- Bám sát kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện các thủ tục về đất đai.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Trảng Bom được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được tổng hợp cân đối mang tính kế thừa, khách quan từ việc lấy nhu cầu thực tế của các ban, ngành, các xã, thị trấn; được rà soát kỹ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính khả thi cao.

1. Tổng số lượng dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 94 dự án với tổng diện tích 837,94 ha phần lớn là những dự án đã triển khai dang dở từ những năm trước, cụ thể: có 50 dự án với tổng diện tích là 470,39 ha được chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để tiếp tục thực hiện và 44 dự án với tổng diện tích 367,55 ha bổ sung mới.

2. Tổng số lượng dự án cần thu hồi trong năm 2024 là 66 dự án với diện tích thu hồi đất là 395,04 ha. Trong đó, thu hồi theo Điều 61 và khoản 2 Điều 62 là 22 dự án với tổng diện tích 331,34 ha, Khoản 3 Điều 62 là 44 dự án với tổng diện tích 63,70 ha đã được ghi trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục thu hồi đất.

Nhìn chung, số lượng và diện tích các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là khá lớn. Vì vậy, để đảm bảo tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án trong năm kế hoạch cần phải phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực và lợi thế của huyện, đặc biệt là nguồn lực về vốn đầu tư và nhân lực, trong đó ưu tiên đầu tư, triển khai nhanh việc xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện kết hợp với những giải pháp mang tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế./.

II. KIẾN NGHỊ

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được phê duyệt là cơ sở quan trọng để huyện Trảng Bom kịp thời triển khai thực hiện các công trình, dự án nhằm đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện. Vì vậy, UBND huyện có một số kiến nghị như sau:

1. UBND tỉnh sớm phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để UBND huyện có căn cứ thực hiện hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Chỉ đạo các Sở ngành tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách của tỉnh, các chủ đầu tư được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất để kịp thời thực hiện và xử lý nghiêm đối với những trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất sai mục đích hoặc sử dụng đất không hiệu quả./.

PHỤ LỤC
HỆ THỐNG BIỂU TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN TRẢNG BOM

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 huyện Trảng Bom
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Trảng Bom
3	Biểu 2B/CH	Kết quả thực hiện các dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện Trảng Bom
4	Biểu 03/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Trảng Bom
5	Biểu 04/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất hiện trạng của huyện Trảng Bom
6	Biểu 4B/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của huyện Trảng Bom
7	Biểu 05/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2024 huyện Trảng Bom
8	Biểu 06/CH	Danh mục các dự án thực hiện trong năm 2024 huyện Trảng Bom
9	Biểu 07/CH	Kết quả thực hiện các dự án, công trình đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021 trên địa bàn huyện Trảng Bom
10	Biểu 08/CH	Danh mục các công trình, dự án hủy kế hoạch sử dụng đất huyện Trảng Bom
11	Biểu 09/CH	Danh sách các thửa đất đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Trảng Bom
12	Biểu 10/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Trảng Bom